

BÁO CÁO CHIẾN LƯỢC TUẦN



ĐẦU NĂM NHIỀU CƠ HỘI MỚI

Ngày: 23/02/2026 – 27/02/2026

NỘI DUNG BÁO CÁO

1. TỔNG QUAN VĨ MÔ – THỊ TRƯỜNG QUỐC TẾ
2. ĐIỂM NHẤN VĨ MÔ – THỊ TRƯỜNG VIỆT NAM
3. CHIẾN LƯỢC & CƠ HỘI ĐẦU TƯ NỔI BẬT
4. LỊCH SỰ KIỆN



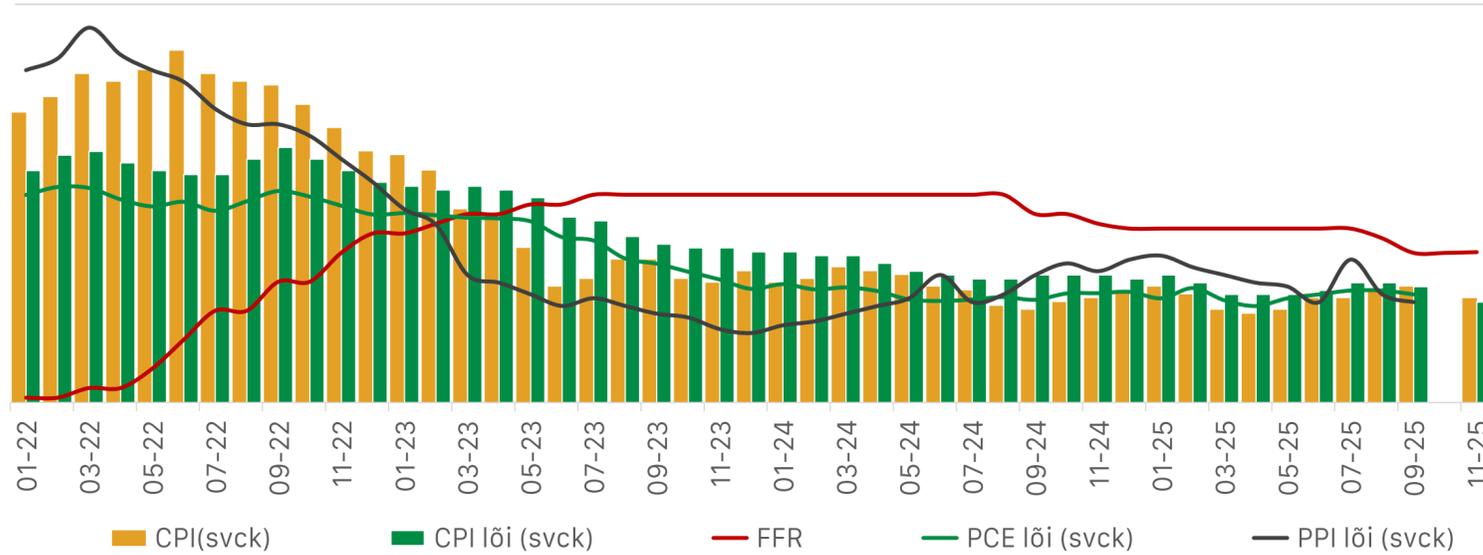
TỔNG QUAN VĨ MÔ – THỊ TRƯỜNG QUỐC TẾ



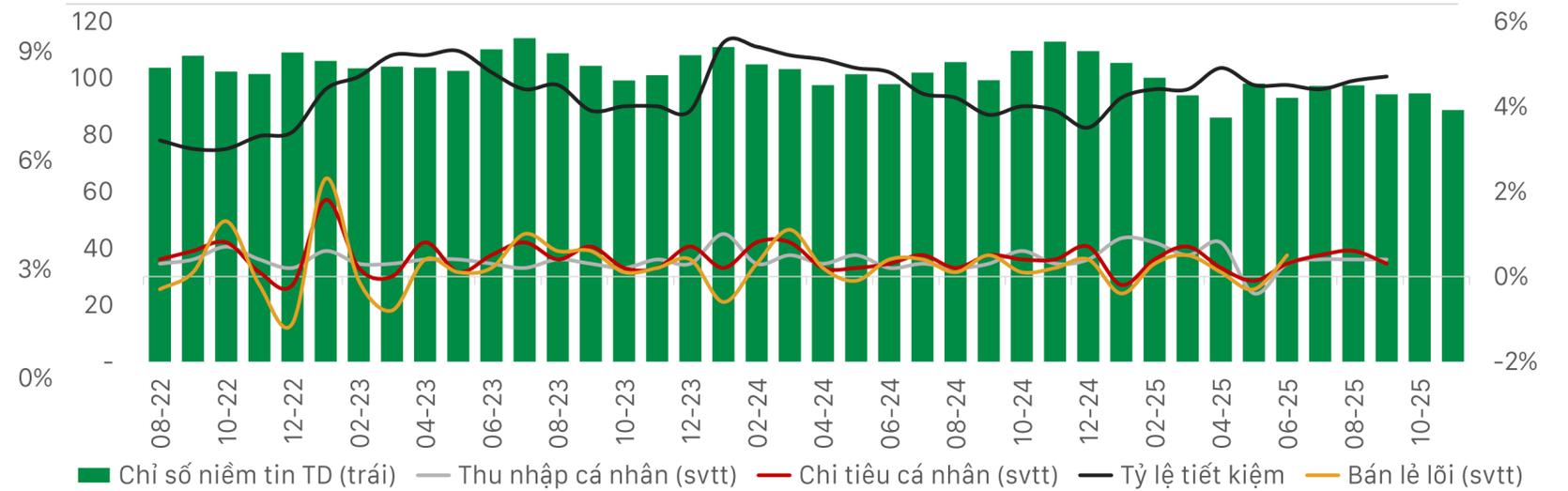
Kinh tế Mỹ — tăng trưởng chậm lại, lạm phát dai dẳng và thị trường lao động điều chỉnh

Tăng trưởng “chậm nhưng không suy thoái”, với GDP thấp hơn kỳ vọng nhưng không rơi vào suy thoái kỹ thuật. Nền kinh tế vẫn duy trì mở rộng dựa trên tiêu dùng và đầu tư vào công nghệ (như thiết bị liên quan đến AI), nhưng phần còn lại của tăng trưởng — như tiêu dùng rộng rãi và đầu tư tư nhân ngoài công nghệ — còn yếu. Thị trường lao động vẫn ở mức tương đối khỏe, nhưng dấu hiệu tuyển dụng chậm lại và sự xáo trộn việc làm do tự động hóa/AI cho thấy thị trường đang trong quá trình điều chỉnh, làm giảm sức ép lên tiền lương và lạm phát. Sự căng thẳng giữa phần dữ liệu lạm phát vẫn trên mục tiêu và thị trường lao động hạ nhiệt khiến Fed rất thận trọng, điều chỉnh chính sách tiền tệ từ từ hơn thay vì cắt mạnh lãi suất.

Tăng trưởng kinh tế yếu hơn kỳ vọng, tăng trưởng GDP thấp và không đồng đều

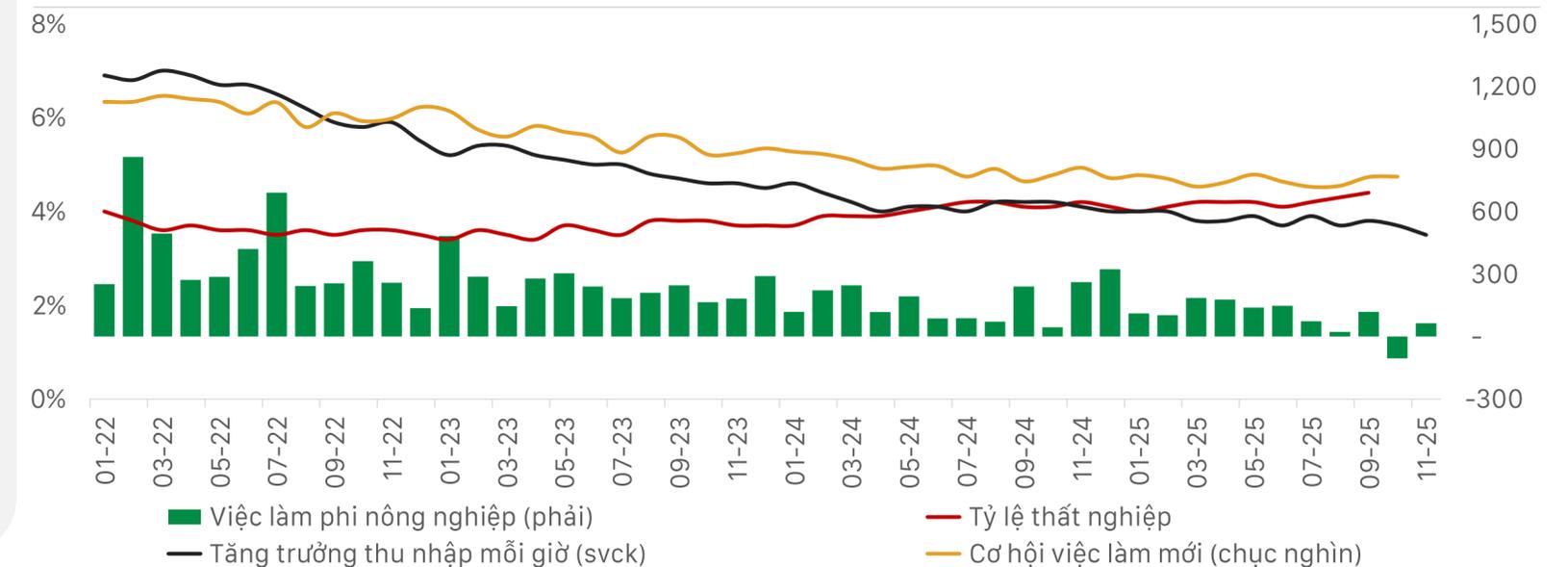


Lạm phát chưa về mục tiêu và Fed giữ chính sách thận trọng



Tăng trưởng kinh tế yếu hơn kỳ vọng, tăng trưởng GDP thấp và không đồng đều. Số liệu chính thức cho thấy tăng trưởng GDP của Mỹ trong quý IV 2025 chỉ đạt ~1,4 %, thấp hơn kỳ vọng của giới chuyên gia và cho thấy nền kinh tế chịu tác động mạnh từ đóng cửa chính phủ kéo dài và chi tiêu kiềm chế. Nhìn chung kinh tế đang mở rộng nhưng với tốc độ khiêm tốn, và tăng trưởng “kém bền” hơn so với giai đoạn trước đó. **Thị trường lao động vẫn tương đối ổn nhưng có dấu hiệu hạ nhiệt.** Đơn xin trợ cấp thất nghiệp gần đây giảm xuống mức ~206 000, thấp hơn dự báo, cho thấy thất nghiệp vẫn ở mức thấp theo lịch sử. Tuy vậy, dữ liệu việc làm cho thấy đà tuyển dụng chậm lại, số việc làm tạo mới không mạnh và nhiều doanh nghiệp công bố cắt giảm tuyển dụng, đặc biệt trong các ngành chịu ảnh hưởng tự động hóa và AI — tạo ra tâm lý “nguội” trong thị trường lao động. **Lạm phát chưa về mục tiêu và Fed giữ chính sách thận trọng.** Mặc dù lạm phát có xu hướng giảm, chỉ số lạm phát ưa thích của Fed vẫn duy trì trên mục tiêu ~2 %, khiến Fed và các quan chức như bà Mary Daly nhấn mạnh sự cần thiết của chính sách tiền tệ thận trọng để đảm bảo lạm phát duy trì xu hướng hạ dần. Dữ liệu kinh tế hỗn hợp tạo ra môi trường mà Fed không thể cắt lãi nhanh hoặc quá sâu.

Thị trường lao động vẫn tương đối ổn nhưng có dấu hiệu hạ nhiệt

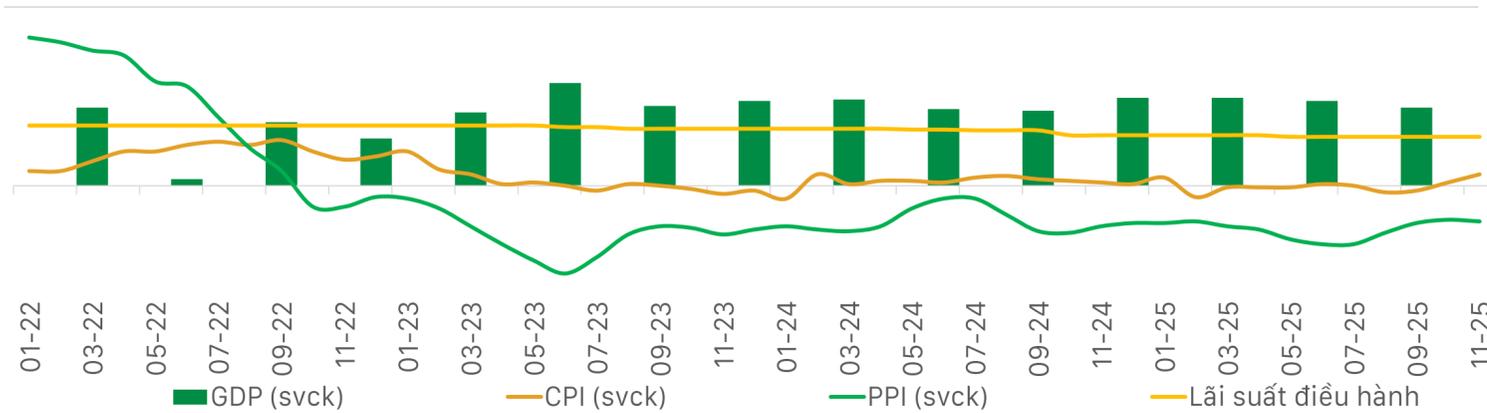


Trung Quốc "ổn định nhưng suy yếu nội lực" — tăng trưởng chậm lại, bất động sản kéo lùi và chuyển dịch hướng tới tiêu dùng



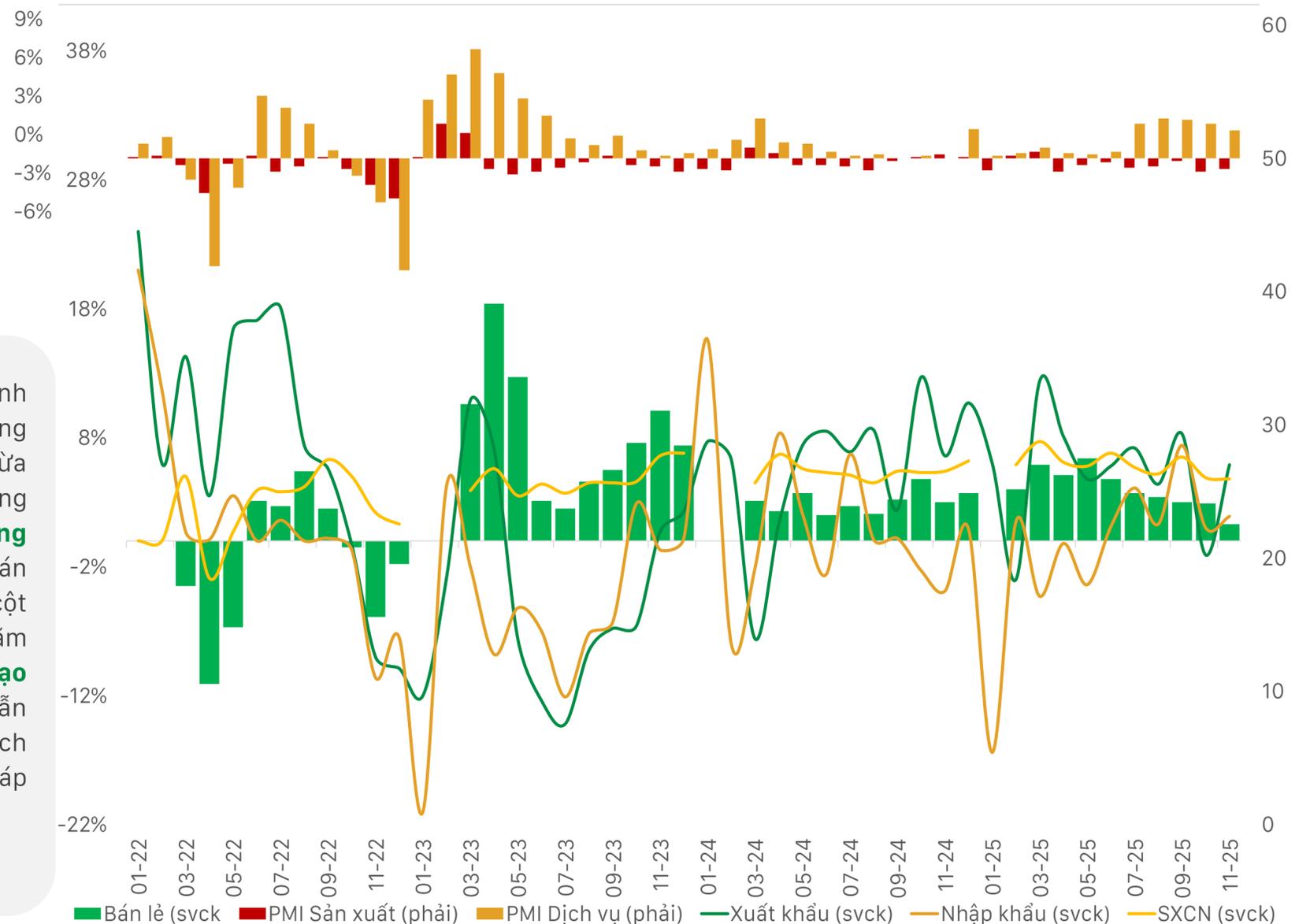
Bức tranh kinh tế Trung Quốc cho thấy sự ổn định trong bối cảnh khó khăn nội lực kéo dài: tốc độ tăng trưởng giảm dần nhưng vẫn duy trì ở mức dương, chủ yếu nhờ xuất khẩu và đầu tư công, trong khi tiêu dùng nội địa và thị trường bất động sản còn đang yếu. Điều này tạo ra trạng thái "ổn định yếu" — tăng trưởng tổng thể không suy thoái nhưng không đủ mạnh để đạt mục tiêu cao hơn. Trong đầu năm 2026 và trung hạn, triển vọng tăng trưởng sẽ phụ thuộc lớn vào khả năng: kích thích cầu tiêu dùng nội địa hiệu quả hơn, qua các gói kích cầu và cải thiện an sinh xã hội để kéo giảm tiết kiệm phòng ngừa; giải quyết tình trạng dư cung và nợ xấu trong bất động sản, tránh rủi ro tài chính lan rộng; đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu sang dịch vụ và công nghệ cao, nhằm giảm phụ thuộc vào xuất khẩu và ngành công nghiệp truyền thống. Rủi ro chính cần theo dõi là sức ép giảm phát do tiêu dùng yếu và dư cung tài sản, cùng với áp lực quốc tế từ các căng thẳng thương mại và đề nghị giảm trợ cấp công nghiệp từ IMF, có thể ảnh hưởng tới tính bền vững của mô hình tăng trưởng hiện tại.

Tăng trưởng GDP dự báo tiếp tục hạ nhiệt trong 2026.



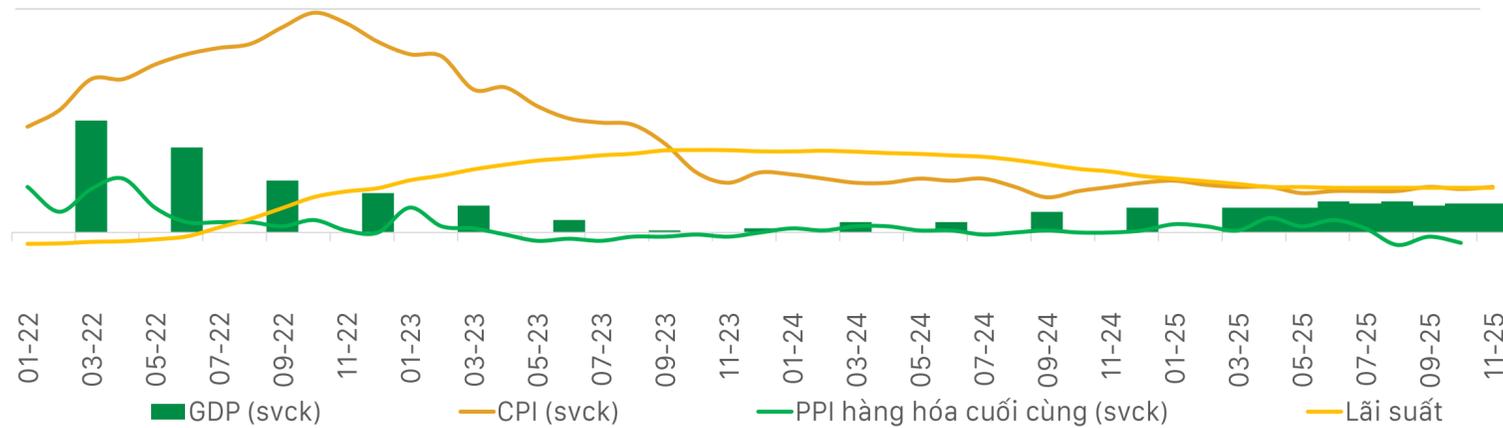
1. Tăng trưởng GDP dự báo tiếp tục hạ nhiệt trong 2026. Các tổ chức quốc tế và định chế tài chính hàng đầu dự báo tăng trưởng kinh tế Trung Quốc sẽ giảm so với năm trước, với mức dự báo khoảng 4.1–4.8 % trong năm 2026 tùy nguồn (Fitch, Goldman Sachs, UBS). Điều này phản ánh sự suy yếu vừa phải trong hoạt động sản xuất và tiêu dùng nội địa, dù vẫn đủ duy trì tăng trưởng ở mức dương trong bối cảnh toàn cầu chậm lại. **2. Tiêu dùng nội địa còn yếu và chuyển hướng kích thích hoạt động dịch vụ.** Hoạt động tiêu dùng được kỳ vọng tăng nhẹ, đặc biệt trong các dịp lễ như Tết Nguyên đán nhằm kích cầu nội địa, nhưng tổng cầu vẫn không đủ mạnh để bù đắp cho sự yếu đi của các trụ cột khác. Chính phủ đang thúc đẩy phát triển các ngành dịch vụ như thể thao mùa đông, du lịch và chăm sóc sức khỏe để tái cấu trúc động lực tăng trưởng. **3. Bất động sản tiếp tục là điểm nghẽn lớn, tạo rủi ro lan tỏa.** Thị trường bất động sản — một trong những trụ cột của nền kinh tế Trung Quốc — vẫn trong giai đoạn suy thoái kéo dài, với doanh số bán nhà giảm mạnh và dư cung lớn. Các nhà phân tích từ S&P Global Ratings nhận định doanh thu bán nhà có thể tiếp tục giảm mạnh trong năm nay, gây áp lực lên các doanh nghiệp phát triển bất động sản và làm giảm thu nhập hộ gia đình.

. Tiêu dùng nội địa còn yếu và chuyển hướng kích thích hoạt động dịch vụ



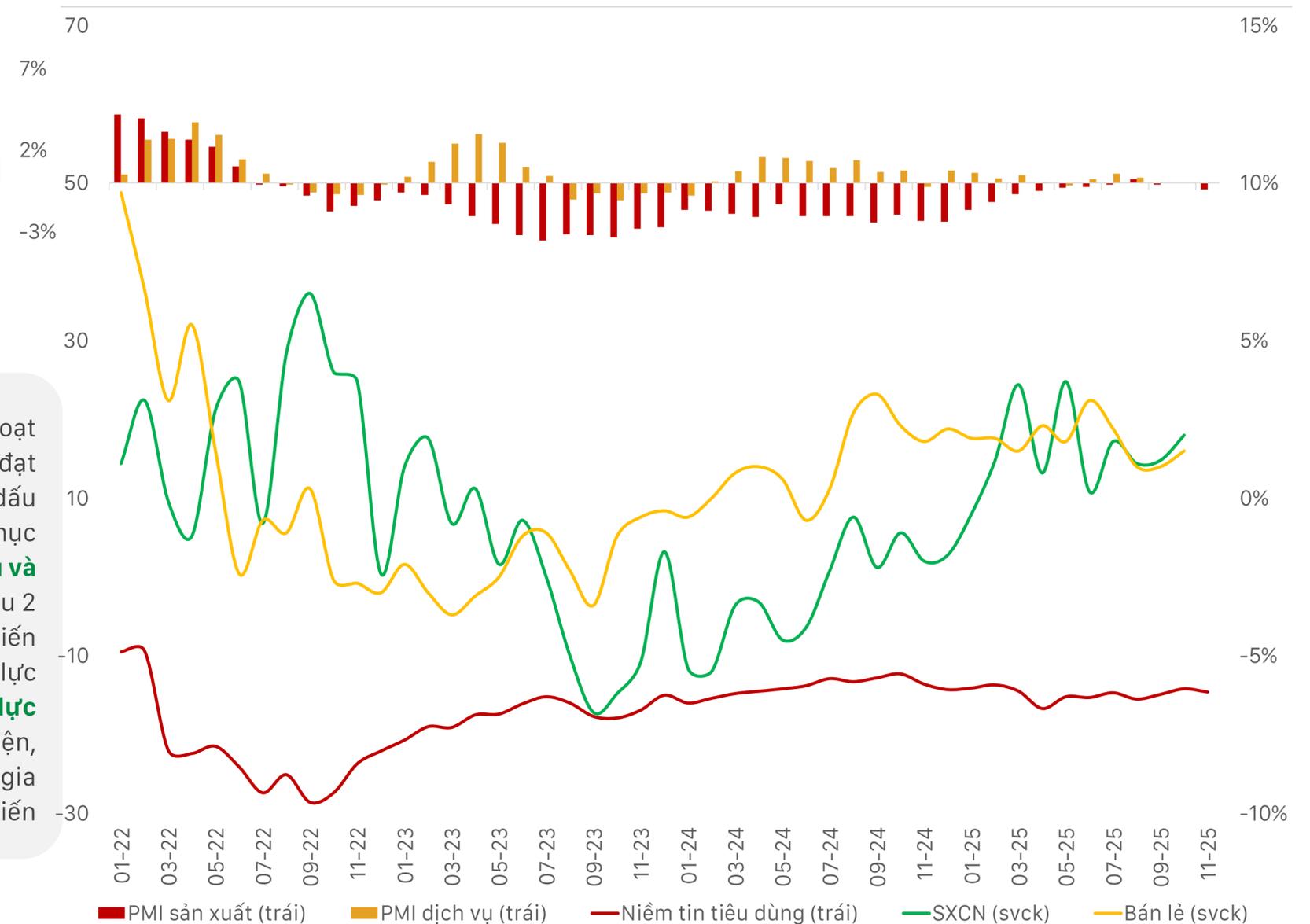
Dấu hiệu phục hồi hoạt động trong ngắn hạn, đặc biệt sự bật lên của sản xuất và PMI tổng hợp cao hơn dự kiến. Tuy nhiên, đây vẫn là “phục hồi giữa nền tảng yếu”: lạm phát khu vực đồng euro duy trì thấp hơn mục tiêu ECB, tạo dư địa chính sách tiền tệ ổn định nhưng cũng phản ánh cầu nội địa chưa đủ mạnh; niềm tin tiêu dùng thấp và thị trường lao động chỉ phục hồi từ từ chưa đủ sức kéo tăng trưởng tự thân. Trong quý II–III/2026, dự báo cho thấy kinh tế khu vực sẽ tiếp tục mở rộng ở mức vừa phải (~1,4–1,6 % GDP theo BNP Paribas và các tổ chức quốc tế), với việc sản xuất và dịch vụ hỗ trợ lẫn nhau. Lạm phát có khả năng duy trì thấp quanh mục tiêu dài hạn, giảm áp lực cho việc tăng mạnh lãi suất, nhưng cũng đặt ra thách thức về hút vốn đầu tư tư nhân và cải thiện chi tiêu tiêu dùng. Rủi ro trọng yếu cần theo dõi: Lạm phát thấp kéo dài, có thể khiến ECB phải duy trì lãi suất thấp hơn cần thiết và hạn chế “đòn bẩy” tiền tệ để hỗ trợ tăng trưởng; Niềm tin tiêu dùng kéo dài thấp, ảnh hưởng tới sức chi tiêu nội địa và nhu cầu dịch vụ; Tình trạng phân hóa kinh tế nội khối, khi một số nước như Đức phục hồi rõ hơn trong sản xuất, nhưng phạm vi lan tỏa còn hạn chế.

Hoạt động kinh tế phục hồi tích cực trong ngắn hạn



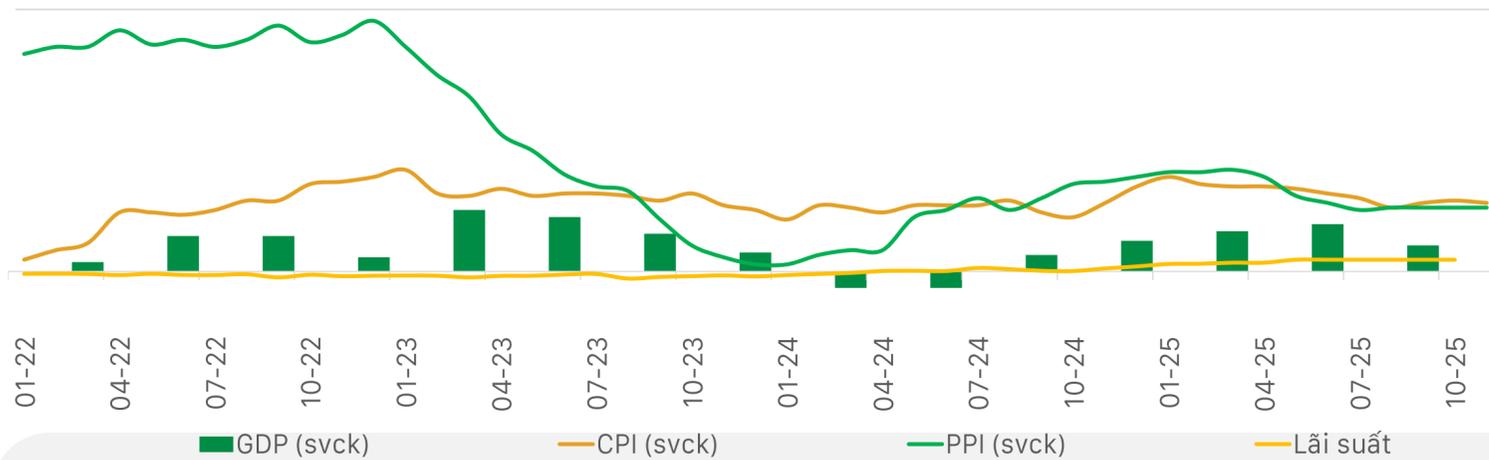
1. Hoạt động kinh tế phục hồi tích cực trong ngắn hạn. Dữ liệu PMI flash mới nhất cho thấy hoạt động kinh doanh ở khu vực đồng euro tăng cao hơn kỳ vọng trong tháng 02/2026, với PMI tổng hợp đạt 51,9 và PMI sản xuất tăng trở lại trên mức 50, lần đầu tiên sau nhiều tháng, cho thấy sản xuất có dấu hiệu mở rộng và các đơn hàng mới gia tăng. Điều này phần nào minh chứng động lực tăng trưởng phục hồi ngay từ đầu năm, dù mức mở rộng vẫn ở cường độ vừa phải. **2. Lạm phát tiếp tục dưới mục tiêu và tạo dư địa chính sách tiền tệ.** Khu vực euro tiếp tục chứng kiến lạm phát giảm xuống dưới mục tiêu 2 %, với dữ liệu CPI mới nhất cho thấy tỷ lệ ở khoảng 1,7 %–1,9 %, thấp nhất trong nhiều tháng. Diễn biến này củng cố triển vọng chính sách thận trọng của Ngân hàng Trung ương châu Âu (ECB), giảm áp lực tăng lãi, và tập trung hơn vào cân bằng giữa kích thích tăng trưởng và duy trì ổn định giá cả. **3. Nội lực yếu – niềm tin tiêu dùng và tăng trưởng lao động còn hạn chế.** Dù hoạt động doanh nghiệp cải thiện, niềm tin tiêu dùng vẫn ở mức thấp so với trung bình dài hạn, phản ánh kỳ vọng thận trọng của hộ gia đình và doanh nghiệp. Sự phục hồi của thị trường lao động diễn ra từ từ và chưa tạo ra đột biến, khiến chi tiêu nội địa và đầu tư tư nhân chưa thể mạnh mẽ nâng đỡ tăng trưởng tổng thể.

Lạm phát tiếp tục dưới mục tiêu và tạo dư địa chính sách tiền tệ



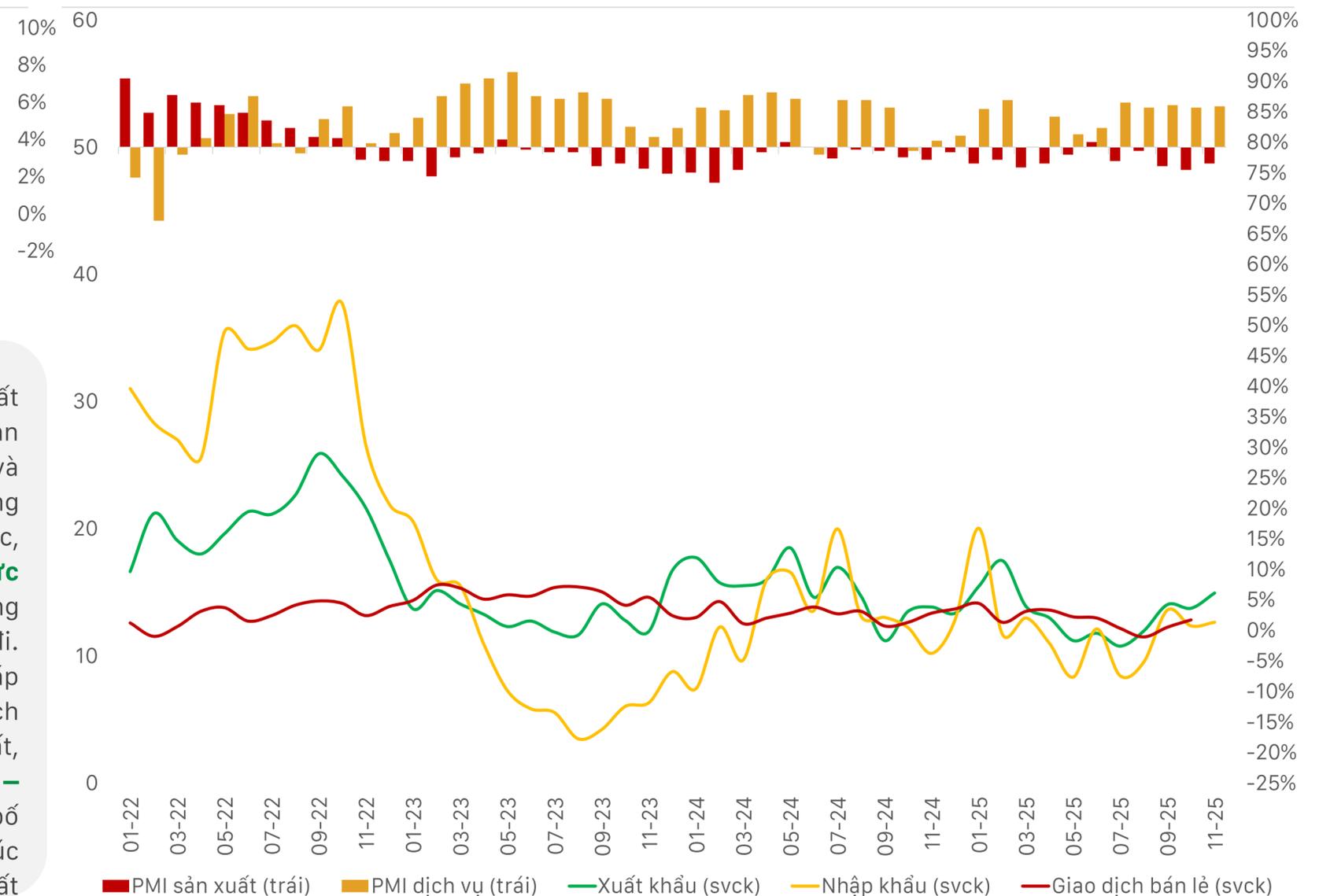
Nền kinh tế Nhật Bản đang bước vào giai đoạn phục hồi với nhiều dấu hiệu đan xen: sản xuất và xuất khẩu thể hiện sức mạnh rõ rệt nhờ nhu cầu trong nước và khu vực châu Á, nhưng áp lực lạm phát và lựa chọn chính sách tiền tệ vẫn còn phức tạp. Sự giảm tốc lạm phát tổng thể dưới mức mục tiêu 2 % đặt BoJ vào thế cân bằng giữa việc hỗ trợ tăng trưởng và phòng nguy cơ giảm phát tái diễn — điều có thể làm trì hoãn những bước nâng lãi suất thêm trong ngắn hạn để tránh bóp nghẹt đà phục hồi mới. Chính sách tài khóa đang trở thành trụ đỡ quan trọng đối với triển vọng 2026, thể hiện qua các kế hoạch kích thích đầu tư chiến lược và trợ giá tiêu dùng; tuy nhiên, những biện pháp này phải được điều phối cẩn trọng với mục tiêu kiểm soát nợ công đang ở mức cao. Dự báo ngắn hạn (Q1–Q2/2026): Tăng trưởng GDP có thể tiếp tục duy trì ở mức dương nhưng khiêm tốn, hỗ trợ bởi sản xuất, xuất khẩu và đầu tư công. Lạm phát tổng thể vẫn lọt dưới 2 %, làm dịu kỳ vọng tăng lãi mạnh của BoJ, trong khi lạm phát dịch vụ vẫn còn lực giữ mục tiêu. Chính sách tài khóa tiếp tục là động lực quan trọng hỗ trợ chi tiêu và đầu tư dài hạn.

BoJ tiếp tục lộ trình bình thường hóa chính sách tiền tệ.



1. Hoạt động sản xuất – xuất khẩu cải thiện rõ nét. Báo cáo PMI gần nhất cho thấy ngành sản xuất Nhật Bản mở rộng nhanh nhất trong gần 4 năm, với PMI sản xuất đạt 52,8 trong tháng 02/2026, phản ánh đà tăng đơn hàng mới và sản lượng phục hồi, đặc biệt trong các ngành công nghệ như bán dẫn và AI. Đây là dấu hiệu tích cực cho tăng trưởng kinh tế ngắn hạn. Bên cạnh đó, xuất khẩu Nhật Bản tăng gần 17 % trong tháng 01/2026, dẫn đầu bởi nhu cầu mạnh từ Trung Quốc và các thị trường châu Á khác, cho thấy thương mại hàng hóa vẫn là đầu kéo chính cho GDP. **2. Lạm phát hạ nhiệt và thách thức chính sách tiền tệ.** Dữ liệu CPI cho thấy lạm phát tổng thể giảm xuống khoảng 1,5 % trong tháng 01/2026, lần đầu dưới mục tiêu 2 % kể từ năm 2022, chủ yếu do giá thực phẩm và năng lượng mềm đi. Đồng thời, lạm phát lõi (không tính thực phẩm tươi sống) vẫn ở gần mục tiêu khoảng 2 %, cho thấy áp lực giá giảm và dịu nhưng chưa hoàn toàn thoát khỏi rủi ro giảm phát. Sự sụt giảm này tạo ra thách thức cho Ngân hàng Trung ương Nhật Bản (BoJ) trong việc quyết định thời điểm tiếp tục tăng lãi suất, khi áp lực giá tổng thể yếu hơn nhưng nền tảng lạm phát dịch vụ vẫn ổn. **3. Chính sách tài khóa – chiến lược tăng trưởng mới.** Chính phủ Nhật Bản dưới thời Thủ tướng Sanae Takaichi đã công bố chuyển hướng mạnh từ thắt lưng buộc bụng sang chính sách tài khóa chủ động hơn, với cam kết thúc đẩy đầu tư dài hạn, giảm thuế tiêu dùng tạm thời và tập trung vào các lĩnh vực chiến lược như AI, chất bán dẫn và đóng tàu nhằm tái kích hoạt động lực tăng trưởng.

Tăng trưởng kinh tế phục hồi nhẹ nhưng thiếu bứt phá



Chỉ số	Đóng cửa	1 Tuần	1 Tháng	Từ đầu năm	1 Năm
Gold	5,109.17	1.3%	5.8%	18.3%	74.1%
WTI/USD	66.48	5.7%	9.7%	15.8%	-5.6%
Bitcoin	67,953	-1.2%	-24.1%	-22.3%	-29.4%
Dow Jones	49,626	0.3%	1.1%	3.3%	14.3%
S&P 500	6,910	1.1%	0.5%	0.9%	14.9%
Nasdaq	25,013	1.1%	-1.2%	-0.9%	15.7%
GP100	10,687	2.3%	5.4%	7.6%	23.4%
DAX	25,261	1.4%	2.9%	3.2%	13.3%
CAC 40	8,515	2.5%	5.5%	4.5%	4.4%
Euro Stoxx 50	6,131	2.4%	4.2%	5.9%	12.0%
Nikkei 225	56,826	-0.2%	7.7%	12.9%	46.6%
Shanghai	4,082	0.4%	-1.1%	2.9%	22.0%
Hang Seng	26,413	-0.6%	-0.7%	3.1%	12.5%
Vnindex	1,824	3.9%	-3.7%	2.2%	42.9%
VND/USD	995	3.2%	12.9%	19.1%	25.2%
DXY	25,970	0.0%	-1.1%	-1.3%	1.8%

- Thị trường chứng khoán Mỹ trong tuần qua không có nhiều biến động lớn, các chỉ số chính dao động nhẹ và không có nhiều sự kiện nổi bật. Kết thúc tuần vào 20/2, quyết định của Tòa án Tối cao bác bỏ các đề xuất thuế quan nặng của cựu Tổng thống Mỹ củng cố niềm tin thị trường, giúp cả ba chỉ số chính đóng cửa tăng nhẹ — S&P 500 khoảng +1,1% và Nasdaq +1,1% trong tuần. Tuy nhiên, nhịp tăng này vẫn đi kèm sự thận trọng trước dữ liệu GDP và lạm phát sắp được công bố, phản ánh bối cảnh kinh tế còn nhiều bất định.
- Trên thị trường tiền mã hóa, Bitcoin tiếp tục thể hiện sự giảm nhiệt và biến động cao. Dữ liệu lịch sử cho thấy Bitcoin dao động trong vùng ~66.5–69 k USD trong tuần, với nhiều nhịp phục hồi không bền vững và tâm lý nhà đầu tư chuyển sang thận trọng do dòng rút vốn khỏi các quỹ ETF và biến động tương quan với chứng khoán công nghệ. Đối với vàng, tuần này giá vàng xoay quanh ngưỡng ~5.000 USD/ounce. Biến động diễn ra với pha điều chỉnh giảm về gần ~4.996 USD trước khi giữ lại mức hỗ trợ trên 5.000 USD vào cuối tuần, phản ánh lực cầu trú ẩn gia tăng trong bối cảnh rủi ro địa chính trị và lo ngại lạm phát kéo dài.

ĐIỂM NHẤN VĨ MÔ – THỊ TRƯỜNG VIỆT NAM



THANH KHOẢN VND ĐƯỢC DUY TRÌ DỒI DÀO — DXY SUY GIẢM, USD/VND HẠ NHIỆT; NHNN CAN THIỆP CÓ CHỌN LỘC



Tỷ giá và thị trường ngoại hối Việt Nam tiếp tục thể hiện một trạng thái đánh đổi giữa ổn định tỉ giá và nhu cầu bảo đảm thanh khoản. Thanh khoản trong nước đang được hỗ trợ bằng nghiệp vụ thị trường mở (OMO) khi NHNN duy trì bơm ròng đầu năm 2026, nhưng USD/VND vẫn neo ở mức cao tương đối do áp lực từ đồng USD mạnh toàn cầu (DXY) và kỳ vọng chính sách tiền tệ ở Mỹ. Kết luận ngắn & khuyến nghị Kịch bản cơ sở (Q1/2026): USD/VND tiếp tục dao động hẹp quanh mức hiện tại, NHNN duy trì bơm ròng OMO để ổn định thanh khoản; can thiệp FX nếu có cú sốc lớn từ DXY. Rủi ro trái chiều: Nếu DXY tăng mạnh hơn do bất ngờ dữ liệu kinh tế Mỹ hoặc thay đổi kỳ vọng chính sách Fed, USD/VND có thể chịu áp lực tăng trở lại. Ưu tiên theo dõi (thời gian tới): Diễn biến DXY & dữ liệu việc làm/lạm phát Mỹ (ảnh hưởng kỳ vọng Fed). Quy mô và kỳ hạn các phiên bơm ròng OMO của NHNN (ảnh hưởng thanh khoản ngắn hạn). Cầu ngoại tệ thương mại/hedging của doanh nghiệp và luồng FDI/ngân hàng (áp lực cung-cầu ngoại hối).

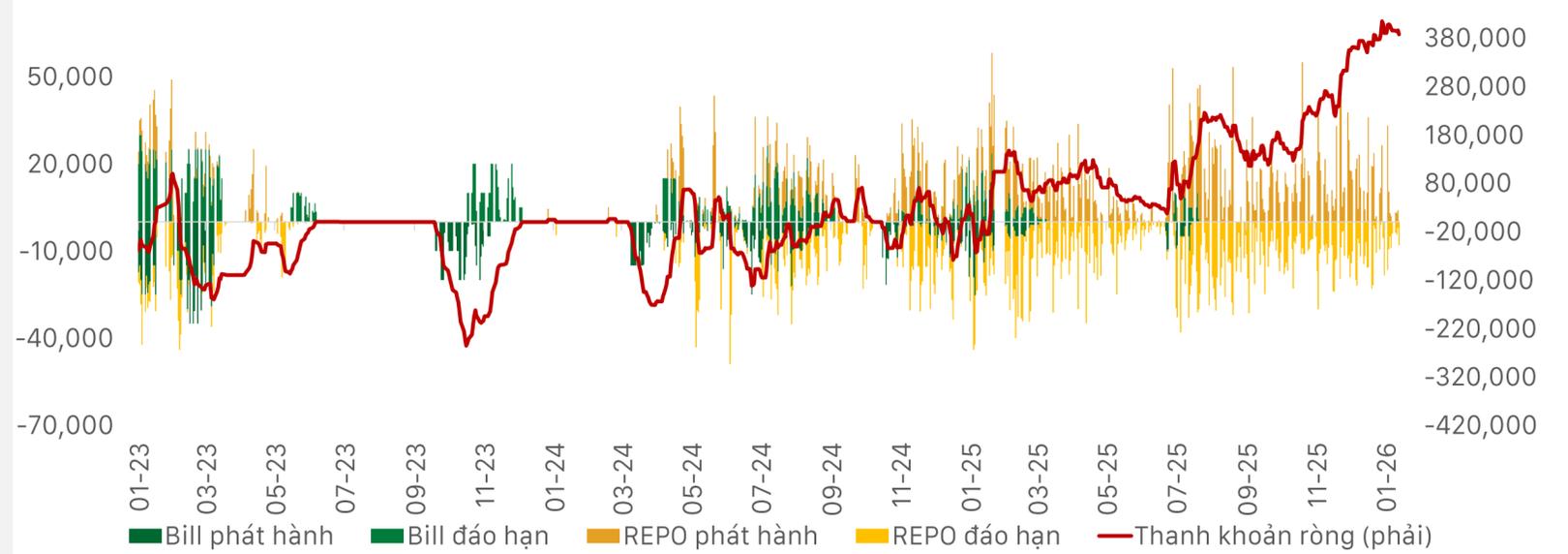
DXY duy trì ở vùng thấp — kỳ vọng Fed chưa chuyển sang hạ lãi suất rõ ràng. DXY có xu hướng phục hồi/ổn định trở lại đầu 2026, khiến USD toàn cầu giữ sức mạnh hơn so với kỳ vọng hạ lãi suất nhanh của thị trường. Thị trường hiện nhìn nhận Fed ở thế giữ quan điểm thận trọng/halted (nhiều tổ chức lùn kỳ vọng cắt giảm lãi suất sang nửa sau 2026), vì dữ liệu việc làm và lạm phát chưa tạo đủ bằng chứng để thúc đẩy cắt sớm. Điều này là động lực chính khiến DXY vẫn duy trì ở mức tương đối cao trong đầu năm. **NHNN duy trì “nới lỏng có kiểm soát” — tiếp tục bơm ròng OMO, ưu tiên ổn định thanh khoản.** NHNN tiếp tục vận hành OMO chủ động trong phiên đầu năm 2026 với bơm ròng hàng chục nghìn tỷ đồng (ví dụ ghi nhận bơm ~33,151 tỷ đồng thông qua nghiệp vụ cho vay cầm cố giấy tờ có giá; phiên đầu năm có ghi nhận bơm ròng gần 17 nghìn tỷ đồng). Mục tiêu rõ ràng là giữ ổn định lãi suất liên ngân hàng và đảm bảo thanh khoản hệ thống, đồng thời để ngỏ công cụ can thiệp FX nếu cần. Diễn biến này cho thấy NHNN ưu tiên ổn định trong nước và duy trì công cụ linh hoạt để ứng phó với áp lực bên ngoài. **USD/VND: neo cao nhưng có dấu hiệu “hạ nhiệt” biến động ngắn hạn.** Thực tế thị trường từ đầu 01/2026 đến nay cho thấy USD/VND giao dịch quanh ~26,250–26,320 với các dao động intraday nhỏ; so với 01/01/2026 mức trung bình chưa tăng đột biến mà có xu hướng dao động hẹp hơn nhờ thanh khoản trong nước được hỗ trợ. Tuy nhiên, vì DXY vẫn tương đối mạnh, rủi ro bật lên của USD/VND vẫn hiện hữu nếu khối cầu ngoại tệ thương mại/hedging gia tăng.

DXY đang biến động duy trì ở vùng thấp

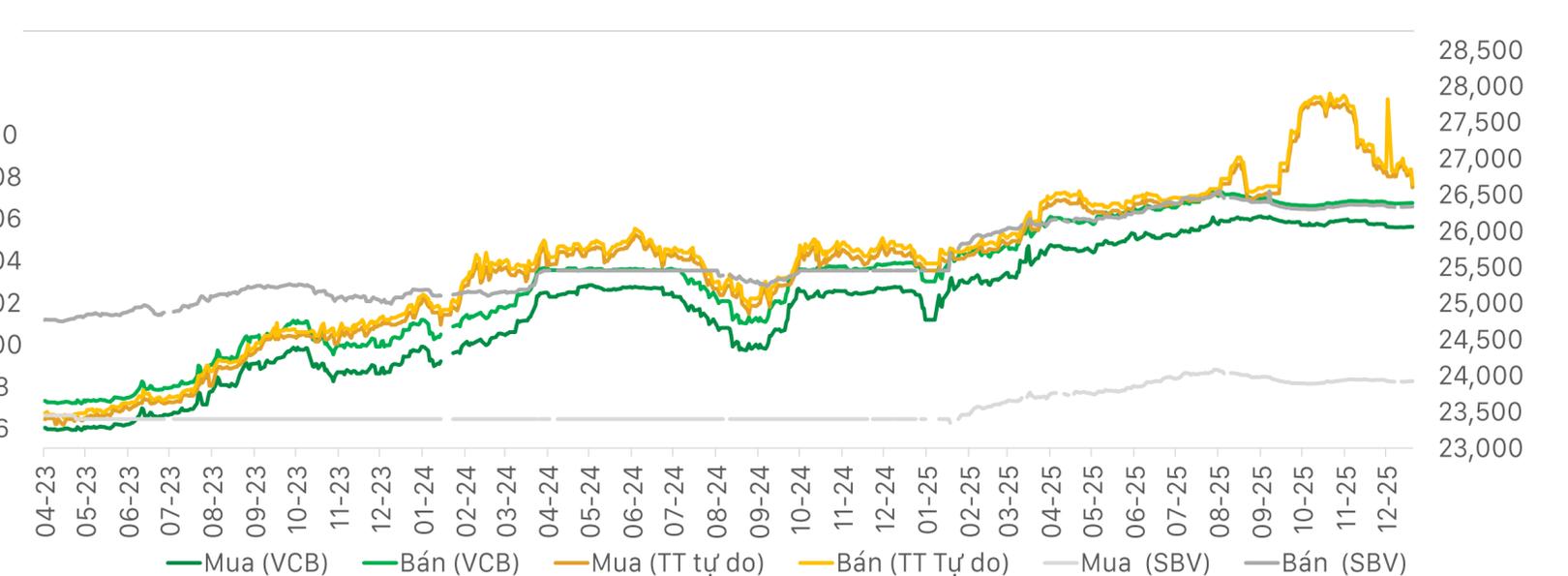


NHNN duy trì vận hành “nới lỏng có kiểm soát” — tiếp tục bơm ròng OMO

Đơn vị: Nghìn Tỷ VND



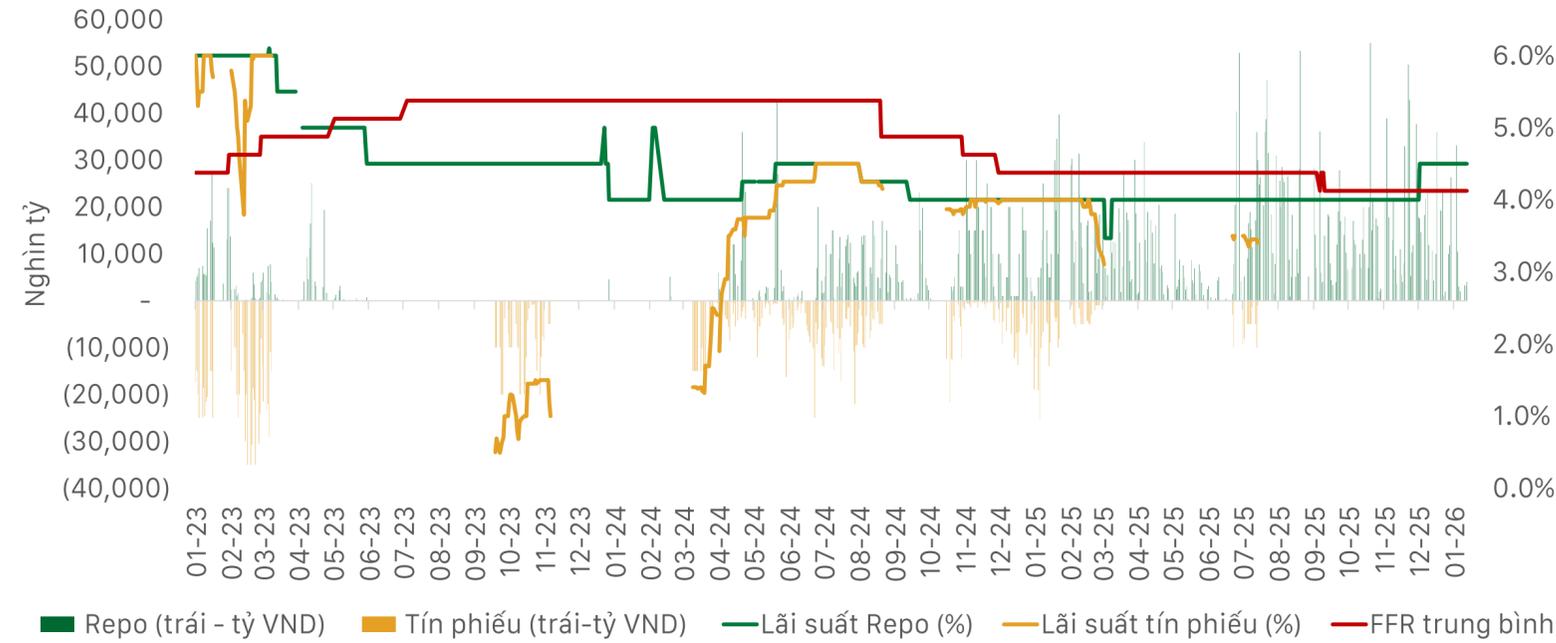
USD/VND có dấu hiệu hạ nhiệt. Đơn vị: VND/USD



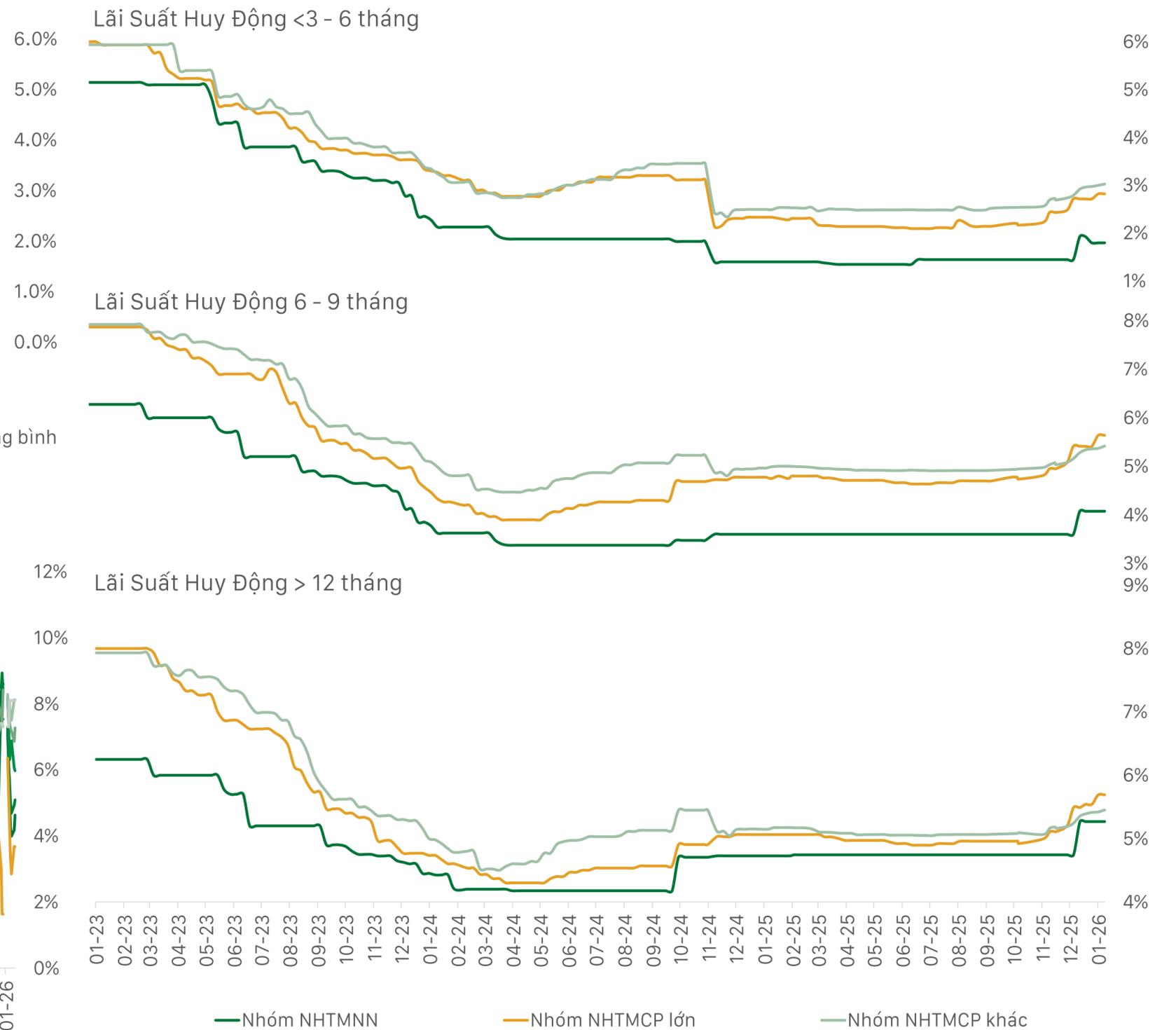
LÃI SUẤT LIÊN NGÂN HÀNG BIẾN ĐỘNG MẠNH – NHNN TÍCH CỰC KIỂM SOÁT QUA THỊ TRƯỜNG MỞ



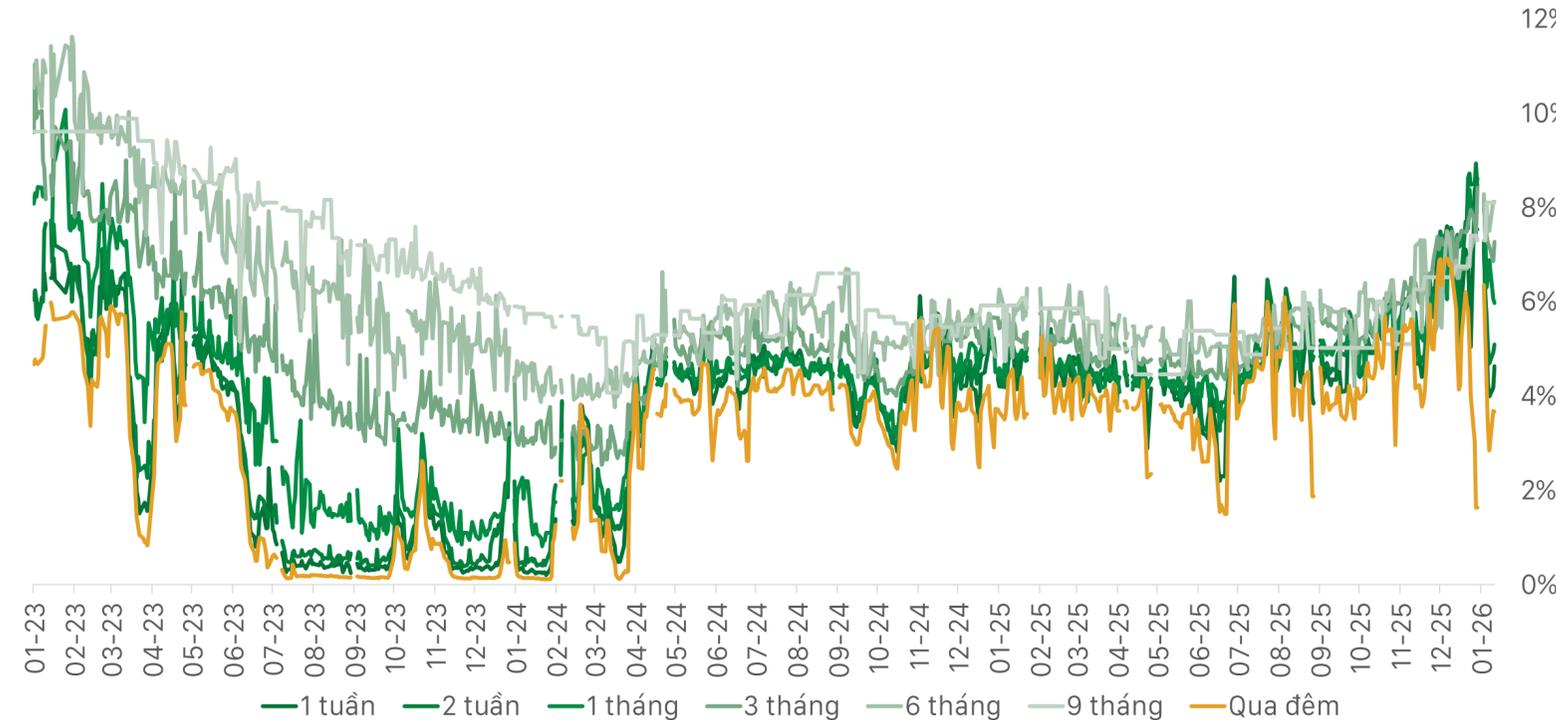
NHNN bơm mạnh Repo trở lại



Mặt bằng lãi suất huy động có tăng nhẹ nhưng vẫn duy trì ở mức thấp.



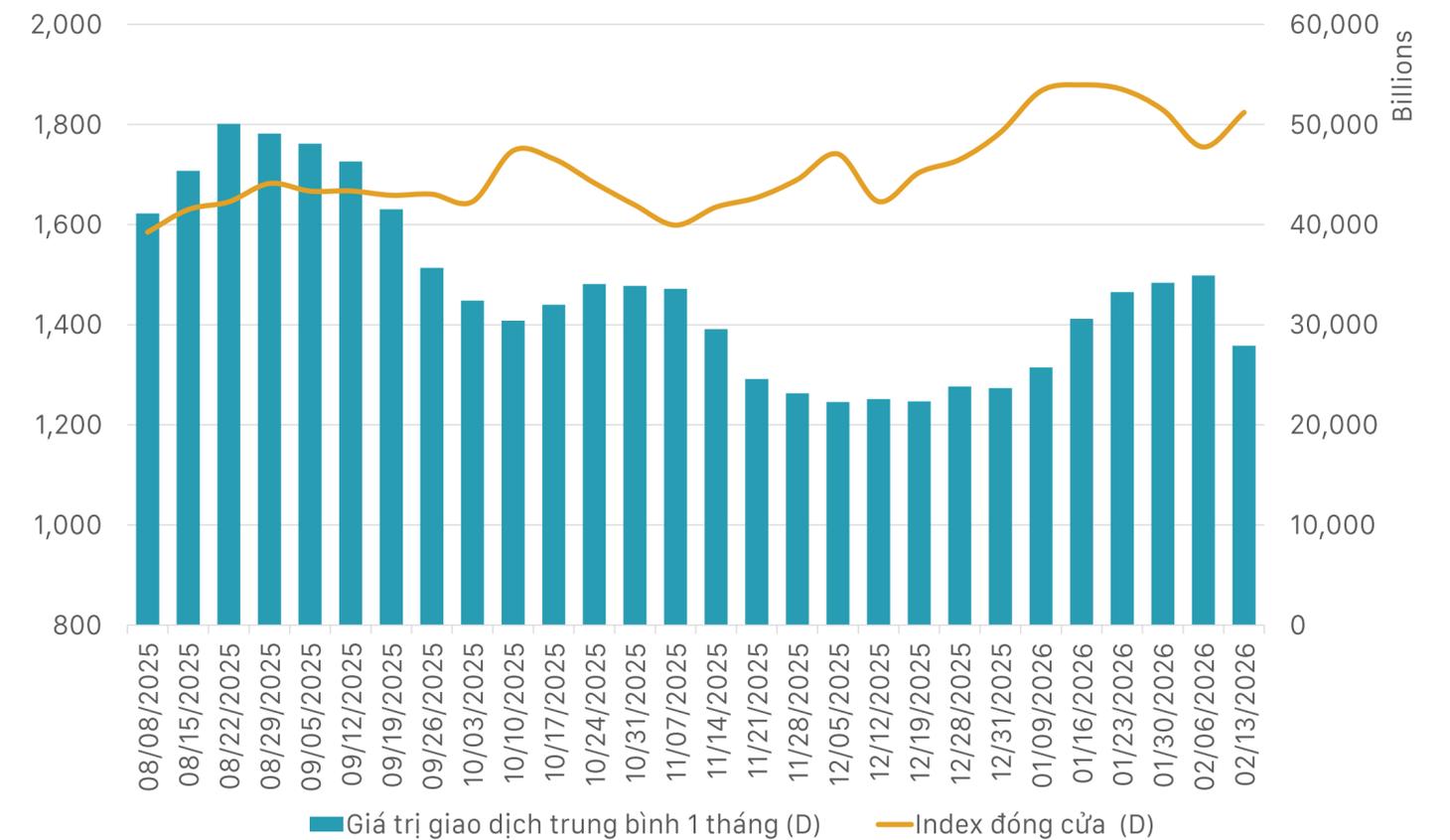
Lãi suất liên ngân hàng biến động nhưng được kiểm soát tốt



Đồ thị ngày VN-Index



Thanh khoản đạt đỉnh cao nhất

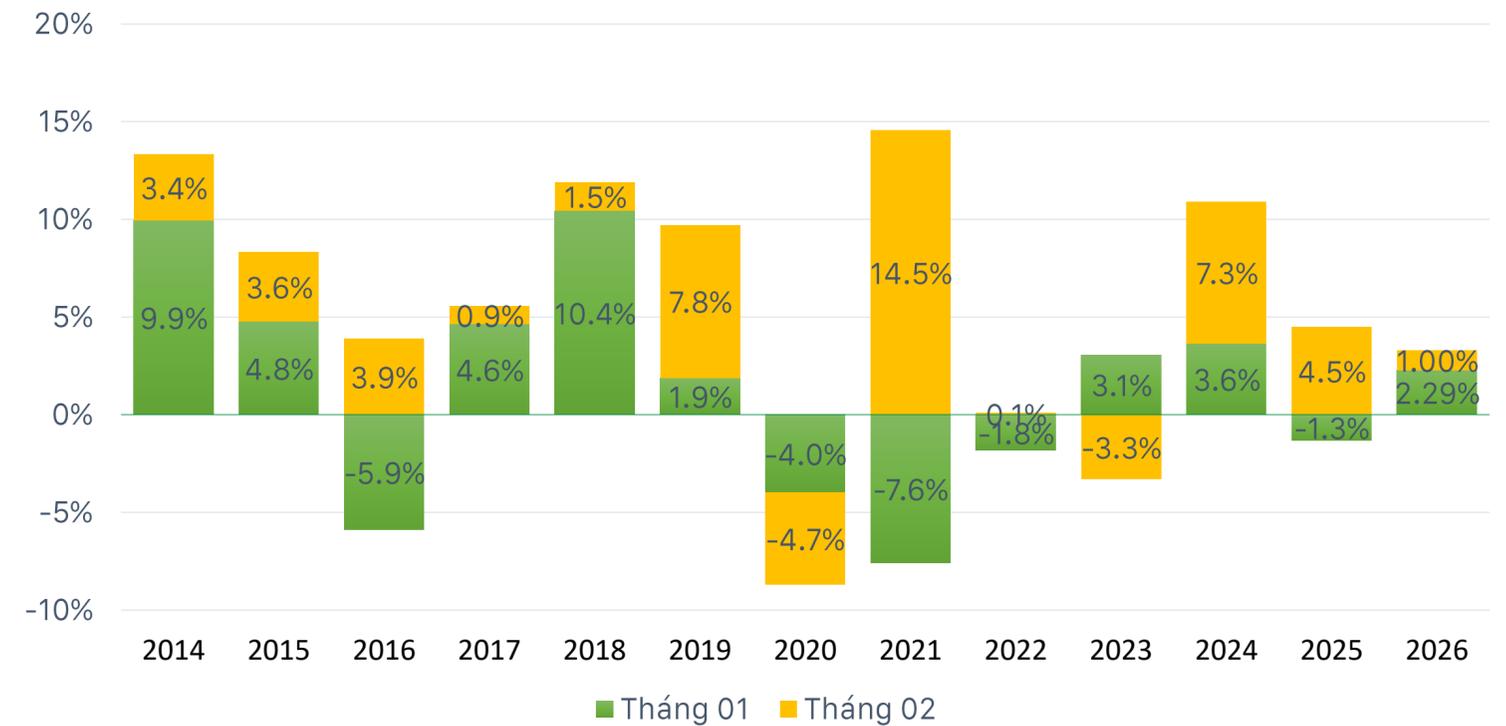


- Trong tuần giao dịch 9–13/2/2026, thị trường Việt Nam đảo chiều mạnh mẽ tăng gần 4% từ vùng đáy 1755 vượt lên 1824. Thanh khoản không quá ấn tượng do nhà đầu tư thu hẹp danh mục và giảm tỷ lệ margin cho kỳ nghỉ dài. Nhưng không vì điều đó mà thị trường kém sôi động. Các nhóm cổ phiếu như Vingroup, Gelex đều phục hồi mạnh mẽ tạo động lực lôi kéo các nhóm cổ phiếu khác trở lại.
- Nhóm cổ phiếu đáng chú ý nhất trong tuần dẫn đầu bởi Vingroup với VIC (22%) và VHM (12%) tăng tốt nhất và đóng vai trò kéo chỉ số mạnh. Nhóm Gelex sau giai đoạn giảm sâu cũng đồng loạt tăng mạnh ở EIB (12%), GEX (9.8%) và GEE (7%) thu hút dòng tiền đầu tư tự tin trở lại. Một số cổ phiếu ngân hàng đặc biệt nhóm nhà nước CTG, VCB chậm lại đà giảm và tăng nhẹ trở lại trong khi nhóm MBB, HDB, EIB, VPB tăng hơn 3% trong tuần.

PE thị trường hiện quanh 14 thấp hơn giai đoạn 2022



Diễn biến Vnindex qua các tháng 01,02 từ 2014



- Sau tuần tăng điểm ấn tượng hơn 70 điểm, PE thị trường đã vượt 14.8 và về gần mức trung bình 10 năm. Chỉ số định giá thị trường có phần điều chỉnh giảm nhẹ kết hợp 2 yếu tố bao gồm kết quả kinh doanh cả năm của các doanh nghiệp công bố tăng trưởng hơn 27% so với cùng kỳ cộng với chỉ số Vnindex điều chỉnh. Trong nhóm big hiện tại còn một số cổ phiếu đặc biệt có PE cao trên 50 như VIC, VPL hay VJC khoảng 44. Còn lại PE trung bình của nhóm vốn hóa lớn gần xấp xỉ quanh 15 – tương đồng PE chung cả thị trường. Đặc biệt nhóm ngân hàng có PE chỉ khoảng 7-8.
- Về chu kỳ dòng tiền, thị trường thường duy trì xu hướng tích cực trong các tháng đầu năm nhờ dòng vốn được kích hoạt từ cuối năm trước và kéo dài đến trước kỳ nghỉ Tết Nguyên đán. Thống kê cho thấy, tháng 2 thường tăng trưởng tốt hơn so với tháng 1 và trong 10 năm gần nhất hầu hết thị trường đều tăng trưởng trung bình trên 2% vào tháng 2. Tháng 2 năm nay đã tăng trưởng khoảng 1% và có thể duy trì đà tăng trong tuần cuối của tháng.

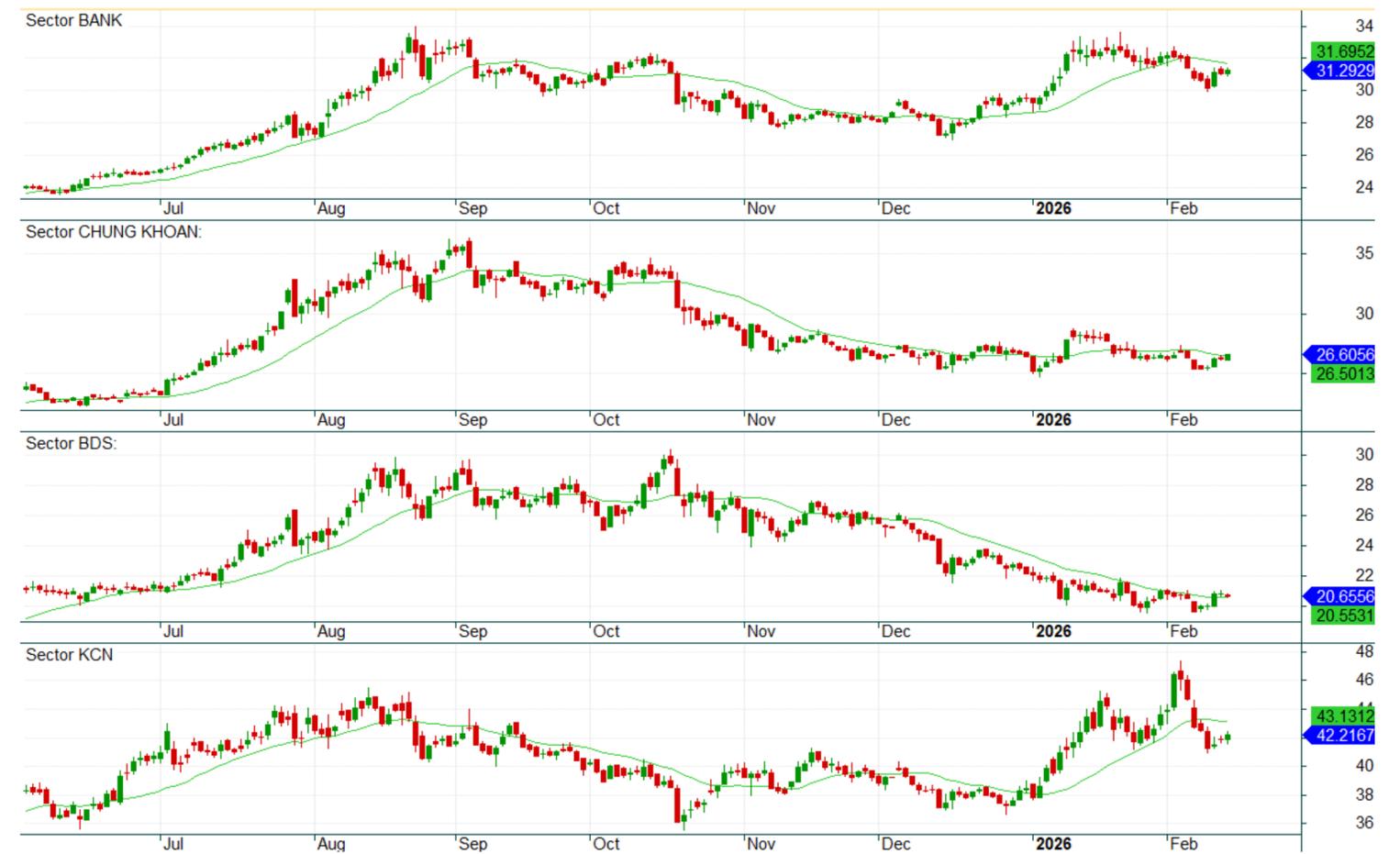
- Dù thị trường tăng trưởng khá nhưng nhóm FPT đi ngang. FRT tăng tốt nhất trong nhóm. **Nhóm Gelex** trở lại mạnh mẽ ở GEX, GEE, EIB và VIX. Tuy nhiên nhóm Gelex chỉ mới tăng mạnh ở 2 phiên gần nhất.
- **Nhóm Vingroup** tăng mạnh mẽ nhất đặc biệt là VIC tăng 22% và VHM 12% trong tuần. Khả năng nhóm VIN tiếp tục đà tăng trong tuần mới. **Nhóm Viettel** vẫn đi ngang và suy giảm nhẹ và chưa có tín hiệu tạo đáy

- **Nhóm Ngân hàng** bị chốt lời mạnh ở nhóm bank nhà nước CTG, BID, VCB. Nhóm EIB, HDB, MBB giữ giá tốt nhất.
- **Nhóm chứng khoán** đang tích lũy giá và xuất hiện một số cổ phiếu đảo chiều tăng như VIX, TCX, VCI, SSI
- **Nhóm BĐS** hồi phục vài phiên nhưng chưa bền vững. DIG, DXG, PDR, NLG đang tạo đáy. **Nhóm KCN** đang tích lũy sau giai đoạn suy giảm mạnh.

Giá trung bình nhóm FPT, Gelex, Viettel, Vingroup



Giá trung bình nhóm Bank, BĐS, Chứng khoán, Khu công nghiệp



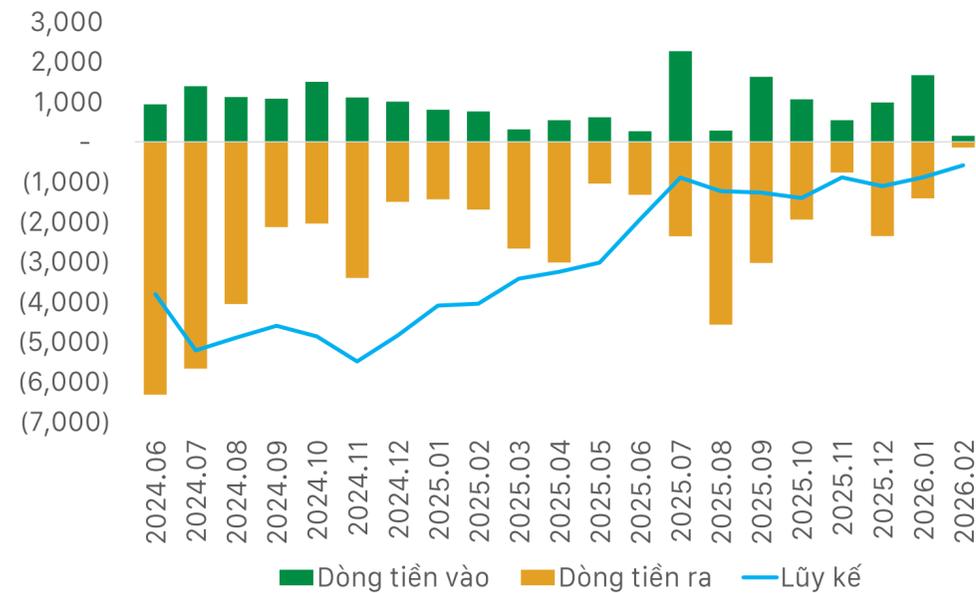
Chỉ số / Ngành	Index	P/E	% 1 tuần	% 1 tháng
VNINDEX	1,824.00	14.87	3.9%	0.4%
Ngân hàng	791.86	9.92	1.2%	5.3%
Dịch vụ tài chính	938.98	14.59	1.5%	5.2%
Bất động sản	971.11	17.83	2.3%	-19.4%
Hóa chất	327.48	17.60	1.2%	26.7%
Tài nguyên Cơ bản	505.23	16.43	0.4%	11.5%
Ô tô và phụ tùng	350.73	6.63	-0.6%	0.1%
Bán lẻ	1,707.18	18.37	1.3%	2.9%
Hàng cá nhân & Gia dụng	177.43	10.62	0.9%	9.2%
Viễn thông	1,488.46	32.52	0.6%	61.3%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	8,198.55	15.96	0.8%	20.1%
Dầu khí	144.59	21.22	0.2%	42.8%
Thực phẩm và đồ uống	1,064.10	18.18	0.8%	-0.1%
Xây dựng và Vật liệu	360.12	9.58	0.8%	4.4%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	330.04	14.82	-0.4%	-2.6%
Y tế	1,091.65	17.32	-0.9%	4.1%
Công nghệ Thông tin	817.85	17.47	0.5%	3.3%
Truyền thông	647.61	42.52	-0.5%	-1.1%
Bảo hiểm	464.37	15.92	0.4%	13.3%
Du lịch và Giải trí	44.40	26.35	0.5%	-13.3%

- Trong tuần 9-13.2 chỉ số Vnindex phục hồi gần 4% và gần như lấy lại điểm số của tuần trước đó.. Nhóm Vingroup đóng vai trò quan trọng trong việc kéo xanh chỉ số kết hợp nhóm Gelex và một số blue chip như MWG, SSI, GMD.
- Dòng tiền lan tỏa vào các nhóm cổ phiếu đặc trưng thay vì vận động theo nhóm ngành nhưng các nhóm trụ lớn như ngân hàng, chứng khoán cũng tăng nhẹ trở lại, đặc biệt là nhóm chứng khoán.
- Các cổ phiếu tăng nổi bật nhất trong tuần nổi bật nhất là VIC, HHS, TCH, EIB, VHM, BFC, VSC.

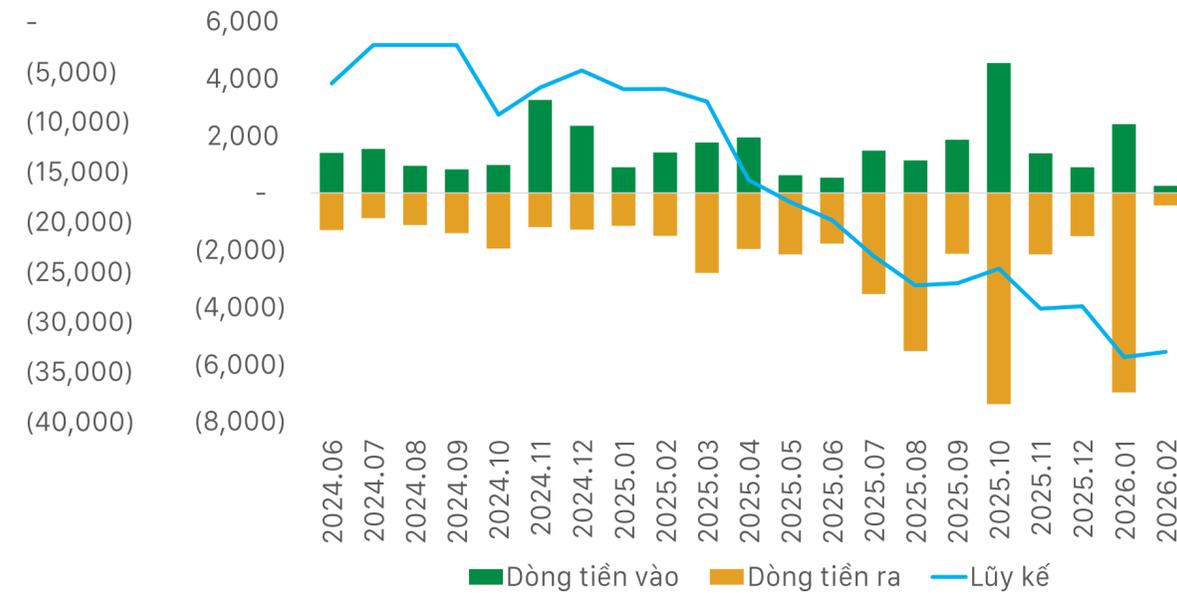
Cổ phiếu tăng tốt nhất trong tuần



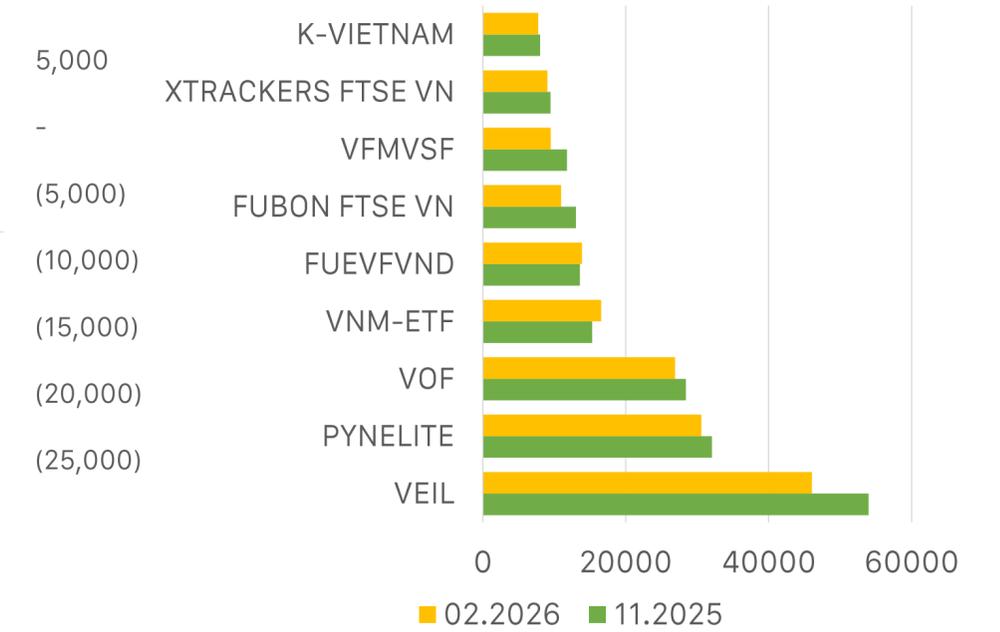
Dòng tiền của quỹ ETF vào VN (tỷ VND)



Dòng tiền các quỹ khác (tỷ VND)



Top 10 tài sản ròng (tỷ VND)

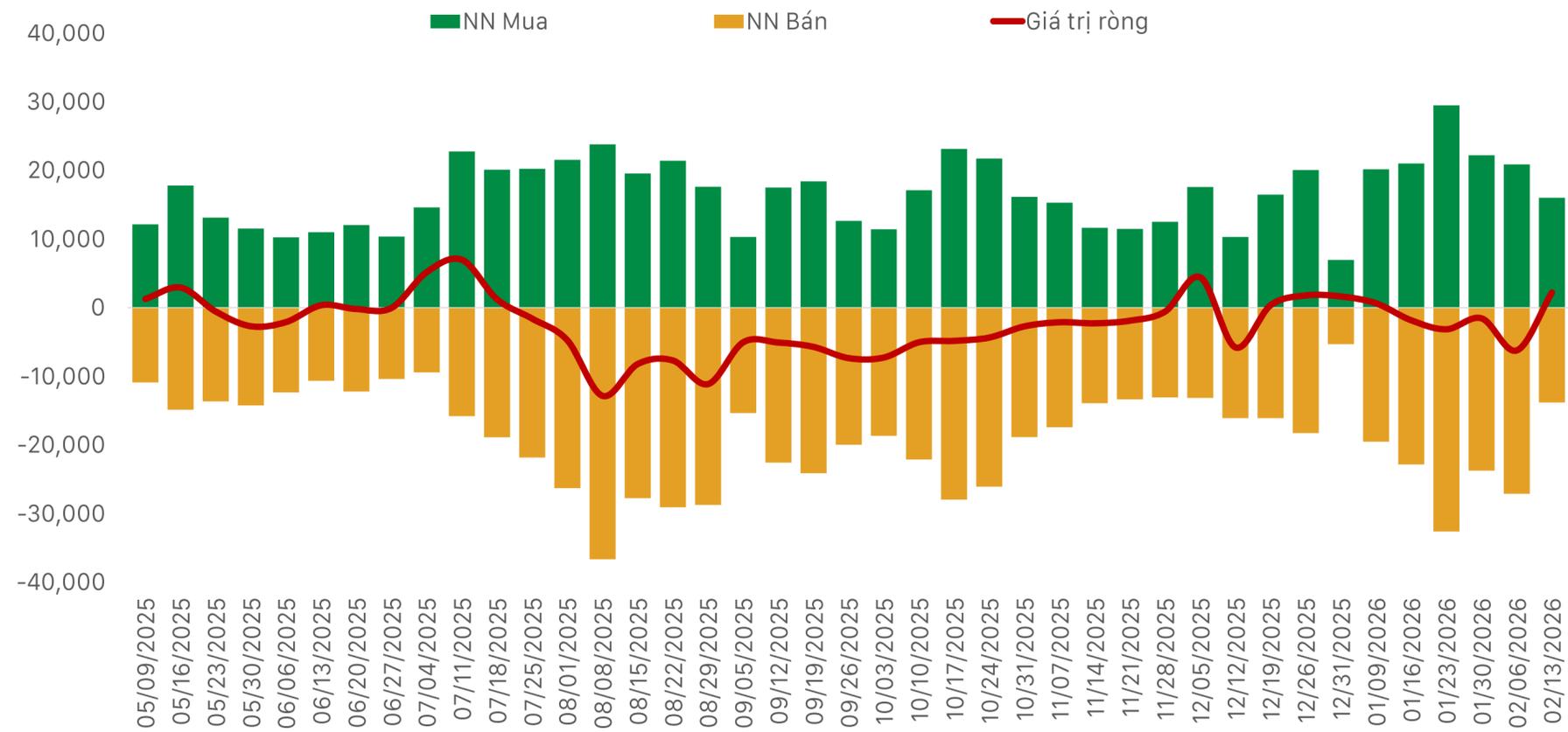


- Dòng vốn toàn cầu trong giai đoạn giữa – đầu tháng 2 cho thấy sự phân hóa rõ nét giữa các nhóm thị trường, phản ánh sự dịch chuyển trong khẩu vị rủi ro và chiến lược phân bổ tài sản của nhà đầu tư quốc tế. Ở khối thị trường mới nổi (Emerging Markets), xu hướng mang tính “lưỡng cực”: dòng vốn rút mạnh khỏi các quỹ cổ phiếu Trung Quốc đại lục tiếp tục chi phối số liệu tổng, xuất phát từ việc siết kiểm soát đòn bẩy, và tâm lý thận trọng khi chỉ số tiến sát vùng đỉnh lịch sử năm 2015. Ngược lại, các thị trường EM khác ghi nhận dòng tiền chọn lọc, tập trung vào những quốc gia có nền tảng vĩ mô ổn định và định giá hấp dẫn.
- Tại nhóm thị trường phát triển (Developed Markets), dòng vốn duy trì tính phân bổ chiến lược dài hạn. Các quỹ cổ phiếu Mỹ phục hồi dòng tiền, trong khi quỹ cổ phiếu toàn cầu (Global Equity Funds) hút vốn mạnh, phản ánh xu hướng đa dạng hóa danh mục theo cấu trúc toàn cầu thay vì tập trung vào một thị trường đơn lẻ. Trái lại, châu Âu chịu áp lực rút vốn do rủi ro thương mại, bất ổn chính trị và suy yếu năng lực cạnh tranh xuất khẩu. Nhật Bản và Australia tiếp tục giữ sức hút nhờ câu chuyện cải cách, ổn định vĩ mô và môi trường đầu tư tương đối bền vững.
- Ở nhóm thị trường cận biên (Frontier Markets), dòng tiền vẫn mang tính chu kỳ và phòng thủ, tập trung vào các nền kinh tế hưởng lợi từ giá hàng hóa và đầu tư hạ tầng, song quy mô giải ngân còn hạn chế và thiên về chiến lược dài hạn hơn là giao dịch ngắn hạn.

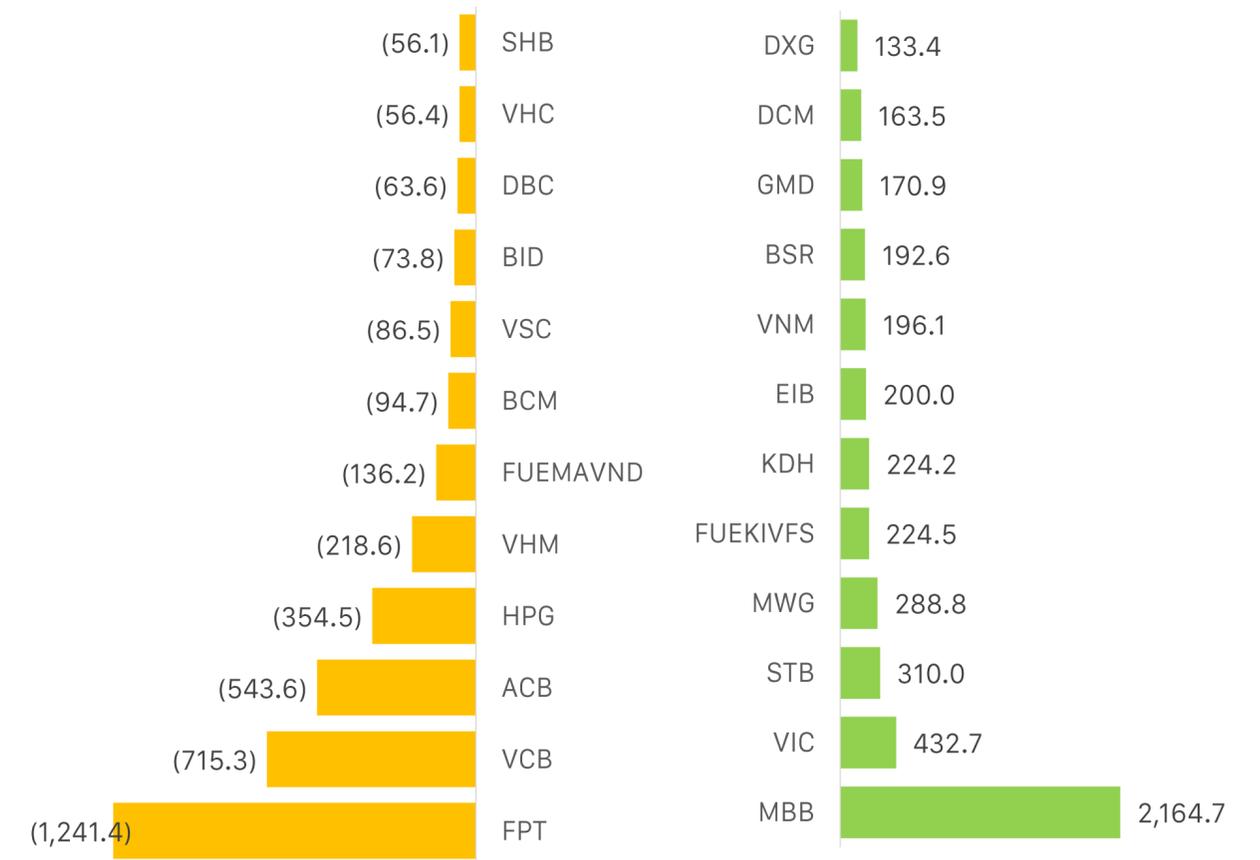
KHỐI NGOẠI GIA TĂNG GIAO DỊCH VÀ BÁN RÒNG NHIỀU HƠN



Giá trị mua bán khối ngoại theo tuần (tỷ VND)



Top CP khối ngoại mua bán ròng trong tuần (tỷ VND)

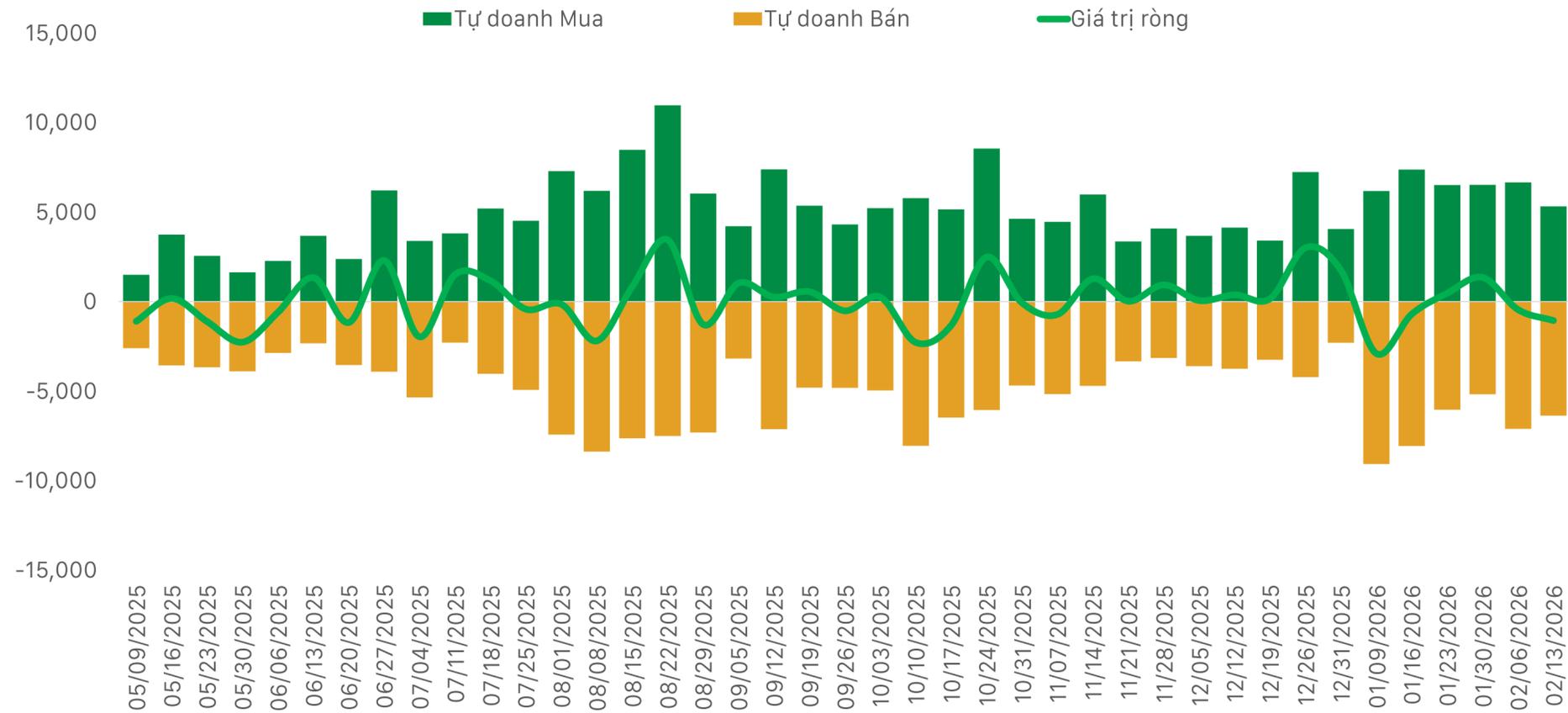


- Trong tuần 9-13.2 khối ngoại thu hẹp giao dịch mua vào khoảng 16 ngàn tỷ và bán ra hơn 13.8 ngàn tỷ đồng. Như vậy khối ngoại giảm hơn 20% giá trị giao dịch nhưng mua ròng hơn 2200 tỷ đồng – Đây là tuần mua ròng trở lại của khối ngoại sau 4 tuần liên tiếp bán ròng.
- Đứng đầu nhóm cổ phiếu bán ròng trong tuần là FPT với khoảng 1,241 tỷ đồng. Nhóm ngân hàng bán ròng nhiều nhất có VCB (715 tỷ) và ACB (543 tỷ) cùng với một số ngân hàng khác như BID, SHB.
- Phía mua ròng nổi bật có MBB mua ròng khoảng 2164 tỷ. Tuần trước đó khối ngoại đã mua ròng MBB hơn 600 tỷ. Một số cổ phiếu mua ròng đáng chú ý có VIC, STB, MWG, KDH, EIB, VNM.

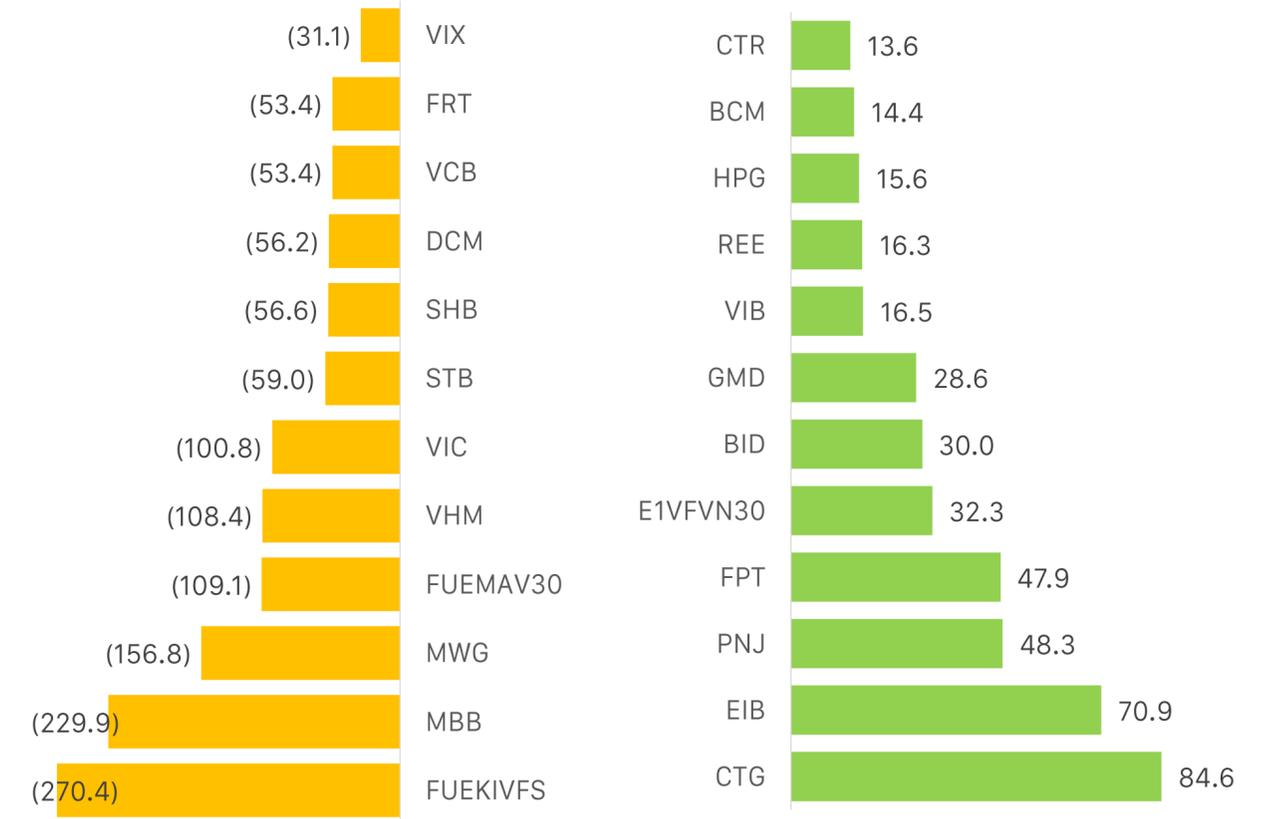
TỰ DOANH MUA BÁN BIẾN ĐỘNG MẠNH



Giá trị mua bán Tự Doanh theo tuần (tỷ VND)



Top CP tự doanh mua bán ròng trong tuần (tỷ VND)



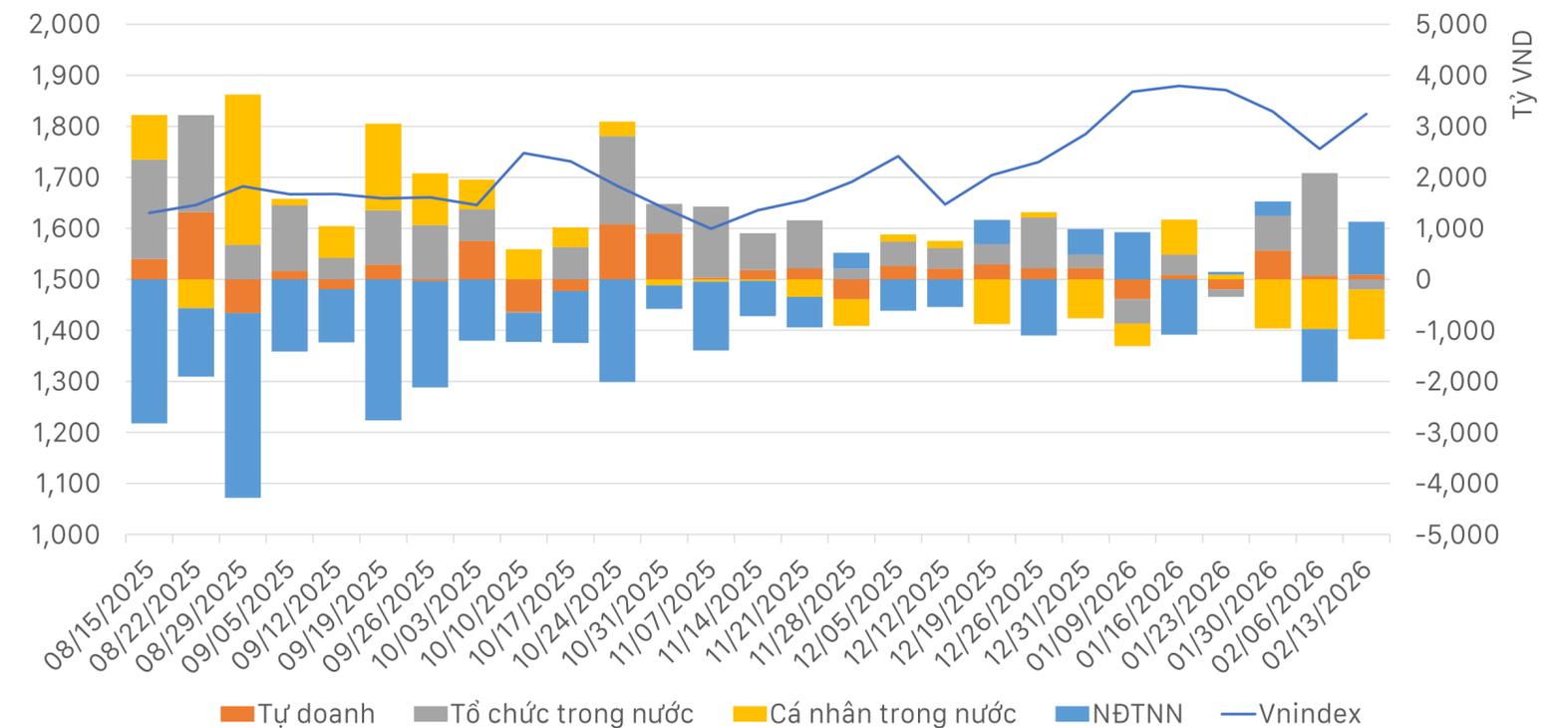
- Tự doanh mua vào khoảng 5316 tỷ - giảm 20% với tuần trước đó và bán ra 6379 tỷ đồng. Tính chung tự doanh cũng bán ròng khoảng gần 1000 tỷ đồng trong tuần vừa qua và có giao dịch khá đối lập với khối ngoại.
- Ngoài chứng chỉ quỹ FUEKIVFS, MBB bán ròng nhiều nhất khoảng 230 tỷ đồng cùng với một số blue chip như MWG, VHM, VIC, STB. Đây lại là nhóm cổ phiếu khối ngoại mua ròng nhiều nhất.
- Phía mua ròng có CTG mua ròng khoảng 85 tỷ đồng. Một số cổ phiếu mua ròng đáng chú ý có EIB, PNJ, FPT, BID
- Tự doanh trong tuần vừa qua mua ròng một số cổ phiếu ngân hàng như EIB, BID, VIB trong khi bán ra VCB, SHB, STB.

Tỷ trọng phân bố dòng tiền

Phân ngành	Tỷ trọng dòng tiền	Cổ phiếu có dòng tiền vào mạnh	Sức mạnh dòng tiền
Ngân hàng	27.0%	STB, MBB, SHB, VPB, TCB	
Dịch vụ tài chính	15.0%	SSI, VCI, FTS, HCM, VIX, VND	
Bất động sản	11.8%	DIG, PDR, NLG, NVL	
Hóa chất	2.7%	DPM, DCM, GVR	
Tài nguyên Cơ bản	4.3%	HPG, HSG, NKG	
Ô tô và phụ tùng	6.2%	HHS, HUT	
Bán lẻ	4.5%	MWG, DGW, PET	
Hàng cá nhân & Gia dụng	6.1%	TCM, TNG, PNJ	
Viễn thông	3.1%	VGI, FOX, VGI	
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	5.3%	POW, GEG, REE	
Dầu khí	2.7%	PVD, PVS	
Thực phẩm và đồ uống	7.3%	DBC, MSN, HAG, BAF	
Xây dựng và Vật liệu	0.4%	CII, HHV, VCG	
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	2.1%	GEX, VSC, HAH, VTP, GMD	
Y tế	0.8%	DCL, DBD	
Công nghệ Thông tin	1.1%	FPT, CMG, CTR	
Truyền thông	0.1%	YEG	
Bảo hiểm	0.5%	BVH	
Du lịch và Giải trí	0.2%	HVN	

- Dòng tiền giao dịch nhóm ngân hàng và chứng khoán chiếm tỷ trọng lớn so với phần còn lại của thị trường. Trong tuần qua nhà đầu tư giao dịch khá mạnh tập trung ở nhóm MBB, HDB, EIB, VPB
- Thanh khoản chung thị trường có sự sụt giảm mạnh so với tuần trước đó do hoạt động cơ cấu danh mục trước kỳ nghỉ lễ. Trong tuần mới sau nghỉ lễ khả năng thanh khoản vẫn ở mức trung bình thấp và tăng dần từ tuần thứ 2 trở đi.

Cơ cấu khớp lệnh theo nhóm nhà đầu tư

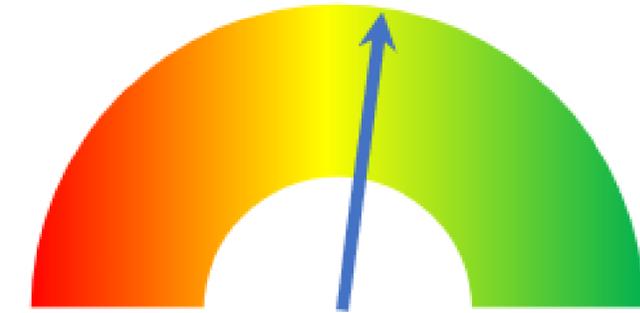


CHIẾN LƯỢC & CƠ HỘI ĐẦU TƯ NỔI BẬT





Mức độ hưng phấn thị trường



RSI	54.35
MACD	-4.78
MFI	33.8
MA20	1822
MA50	1791
MA200	1602

- Sau tuần tăng mạnh trước nghỉ lễ, thị trường có thể tiếp nối đà hưng phấn trước đó và có thể duy trì trạng thái xanh nhẹ ở những phiên giao dịch đầu tiên. Dòng tiền có thể lan tỏa dần sang các nhóm ngành khác như ngân hàng, chứng khoán, bán lẻ. Tuy nhiên nhóm bigcap lớn như nhóm VIN và một số nhóm lớn vẫn sẽ đóng vai trò quan trọng trong việc dẫn dắt chỉ số. Các mã như VIC, VHM tiếp tục có ý nghĩa về mặt điểm số, nhưng dư địa tăng ngắn hạn không còn quá rộng sau nhịp hồi nhanh.
- Nhóm ngân hàng với định giá thấp vẫn là vùng đệm an toàn cho thị trường, nổi bật là CTG, MBB, HDB, TCB – phù hợp chiến lược nắm giữ hơn là giao dịch T+. Ở nhóm đầu cơ dẫn sóng, các cổ phiếu chứng khoán và bất động sản trung bình có thể tiếp tục phân hóa mạnh theo dòng tiền. Ở tuần giao dịch sau nghỉ lễ, thị trường có thể dao động trong vài phiên và đây là cơ hội để nhà đầu tư gia tăng nắm giữ cổ phiếu mục tiêu.

Thị trường đang chọn lọc các nhóm cổ phiếu tiềm năng đầu tư cho năm 2026. Nhà đầu tư lưu ý các nhóm ngành đang có dòng tiền vào mạnh như nhóm ngân hàng, khu công nghiệp, bán lẻ, dầu khí, nông nghiệp, hóa chất.

Cổ phiếu quan tâm: MWG, HAG, VIC, VHM, FPT, MBB, TCB, DCM, GMD, GEX, VCI.

Danh mục cổ phiếu quan tâm trung hạn:

Ngân hàng: **MBB**

Bán lẻ, thực phẩm: **MWG, HAG, FPT**

STT	CP	Giá mục tiêu	Lợi suất kỳ vọng (%)	EPS	PE	Điểm nhấn đầu tư
2	HAG	22,000	30%	1,700	9.4	<ul style="list-style-type: none"> HAG đã tái cấu trúc và xử lý nợ hiệu quả, lợi nhuận ổn định đạt 1.000 tỷ đồng năm 2024, quý 1/2025 đạt doanh thu 1.380 tỷ và lợi nhuận 341 tỷ, mục tiêu năm 2025 đạt doanh thu 5.500 tỷ và lợi nhuận sau thuế trên 1.100 tỷ đồng. Triển khai 2.000ha dâu nuôi tằm sản xuất tơ xuất khẩu, 2.000ha cà phê Arabica và thí điểm nuôi 700.000 con cá tầm tại Lào, dự kiến thu hoạch vào tháng 9-10/2025. Khoản vay ngắn hạn hơn 6.000 tỷ đồng, nợ dài hạn 1.435 tỷ đồng, tỷ lệ nợ vay/VCSH giảm từ 180% (2020) xuống còn 77%, lỗ lũy kế giảm mạnh còn khoảng 82,7 tỷ, kỳ vọng xóa hết lỗ lũy kế trong năm 2025.
3	MWG	110,000	25%	4,800	18.5	<ul style="list-style-type: none"> MWG đạt doanh thu tăng trưởng cao hơn thị trường chung nhờ mảng điện tử, đặc biệt là điện thoại, laptop và thiết bị gia dụng. BHX mở mới 410 cửa hàng trong 5 tháng, vượt mục tiêu đề ra, doanh thu tăng 19% YoY. MWG đóng cửa một số cửa hàng TGDD và DMX, ưu tiên tối ưu hóa mạng lưới cửa hàng và cải thiện hiệu quả hoạt động. MWG đạt 41% kế hoạch doanh thu năm 2025 và mở rộng thị trường quốc tế tích cực thông qua EraBlue tại Jakarta.
4	FPT	120,000	25%	5,500	17.7	<ul style="list-style-type: none"> CTCP Tập đoàn FPT (FPT) khép lại năm 2025 với bức tranh tăng trưởng vững chắc cả về quy mô lẫn chất lượng hoạt động. Doanh thu hợp nhất đạt 70.113 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế 13.039 tỷ đồng, lần lượt tăng 11,6% và 17,8% Khối Công nghệ tiếp tục giữ vai trò động lực tăng trưởng chủ lực, đóng góp 63% doanh thu và 45% lợi nhuận trước thuế của Tập đoàn, tương ứng 44.475 tỷ đồng doanh thu và 5.883 tỷ đồng lợi nhuận, tăng lần lượt 13,7% và 12,5%. Tổng thể, FPT không chỉ tăng trưởng về số liệu tài chính, mà đang dịch chuyển sang mô hình tập đoàn công nghệ toàn cầu, nơi năng lực công nghệ lõi, dữ liệu và AI trở thành trụ cột cạnh tranh dài hạn.
4	MBB	33,000	25%	3,320	8.2	<ul style="list-style-type: none"> Dư nợ tín dụng và đầu tư trái phiếu tổ chức kinh tế đạt 962 nghìn tỷ đồng, tăng 18,6%, trong đó dư nợ cho vay khách hàng tăng 20% Lợi nhuận trước thuế 9 tháng đầu năm 2025 đạt 23.139 tỷ đồng, tăng 12% so với cùng kỳ, hoàn thành 73% kế hoạch năm. Tỷ lệ nợ xấu hợp nhất của MB ở mức 1,87%, giảm 0,36% so với cùng kỳ năm 2024. Tỷ lệ bao phủ nợ xấu 80%, cao hơn bình quân toàn ngành. Ngân hàng phục vụ hơn 33,9 triệu khách hàng, ghi nhận hơn 9,6 tỷ giao dịch số trong 9 tháng; doanh thu kênh số chiếm ~ 40% tổng doanh thu hệ thống.

Thông tin cổ phiếu

Giá mục tiêu	22,000
% tăng giá	25%
Vùng giá mua	16,000 – 17,000
Giá dừng lỗ	14,000

Phân tích kỹ thuật

HAG đang vận động trong xu hướng tăng trung hạn, nhưng giai đoạn hiện tại cho thấy trạng thái đi ngang – tích lũy rõ nét. Giá đóng cửa tại quanh 16, dao động sát vùng MA20 (17,28) và thấp hơn MA50 (17,63), phản ánh lực cầu chưa đủ mạnh để tạo nhịp bứt phá. Dải Bollinger thu hẹp và cấu trúc nền co lại cho thấy thị trường đang trong pha “nén biên”, chờ tín hiệu hướng đi tiếp theo.

Hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp

- HAG đã có thời gian tái cấu trúc và xử lý nợ hiệu quả trong năm qua. Hoạt động kinh doanh đang dần khởi sắc với lợi nhuận năm 2025 tiếp tục duy trì lên 2126 tỷ đồng. 2025 HAG đạt doanh thu 7441 tỷ đồng và lợi nhuận 2126 tỷ- tăng 30% so với cùng kỳ. Năm 2025, HAG đặt mục tiêu doanh thu 5,500 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế hơn 1,100 tỷ đồng, tăng nhẹ so với năm trước. HAGL cũng đang đẩy mạnh đầu tư vào các lĩnh vực mới, bao gồm trồng 2.000ha dâu nuôi tằm để sản xuất tơ xuất khẩu và 2.000ha cà phê Arabica. Song song đó, dự án nuôi cá tằm đang được thí điểm tại Lào với 700.000 con giống, dự kiến cho thu hoạch lứa đầu vào tháng 9 - 10 năm nay.
- Kết quả trên đạt được trong bối cảnh doanh nghiệp đẩy mạnh tiến trình tái cơ cấu tài chính, trọng tâm là xử lý các khoản trái phiếu đã tồn tại trong nhiều năm. Trong năm 2025, công ty đã phát hành 210 triệu cổ phiếu phổ thông nhằm hoán đổi hơn 2.500 tỷ đồng nợ trái phiếu nhóm B cho 6 chủ nợ, qua đó xóa bỏ nghĩa vụ nợ vay tương ứng trước thời điểm đến hạn.
- Theo chỉ tiêu kế hoạch đầu tư đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, công ty sẽ trồng 2.000 ha cà phê giống Arabica trong năm 2025. Sau khi đã triển khai trồng thực tế đủ 2.000 ha này, Hoàng Anh Gia Lai quyết định đầu tư thêm 1.000 ha cà phê giống Arabica trong năm 2025, nâng tổng diện tích lên 3.000 ha. Hoàng Anh Gia Lai muốn niêm yết Công ty TNHH Hưng Thắng Lợi Gia Lai trong năm 2026 và niêm yết Công ty cổ phần Gia Súc Lơ Pang trong năm 2027.



HAG	2020	2021	2022	2023	2024	2025
Doanh thu (tỷ VND)	3,177	2,097	5,111	6,932	5,783	7,441
Lợi nhuận (tỷ VND)	(1,256)	203	1,129	1,709	1,013	2,126
Lợi Nhuận Gộp (tỷ VND)	206	507	1,173	1,364	2,172	2,780
Chi phí lãi vay (tỷ VND)	(1,254)	(972)	(793)	271	(716)	(323)
KLCP DLH (triệu CP)	927	927	927	927	1,057	1,267
VCSH (tỷ VND)	10,028	4,673	5,195	6,726	9,326	14,185
Tổng Tài Sản (tỷ VND)	37,266	18,440	19,798	21,528	22,281	26,892
Book Value	10,812	5,039	5,601	7,252	8,819	11,191
EPS	(1,354)	219	1,217	1,843	958	1,677
ROE	-12.5%	4.3%	21.7%	25.4%	10.9%	15.0%
Vay Ngắn Hạn (tỷ VND)	8,772	2,510	4,000	4,829	5,748	6,208
Vay Dài Hạn (tỷ VND)	9,331	5,777	4,165	3,082	1,217	1,693
Tổng Nợ vay (tỷ VND)	18,103	8,286	8,166	7,910	6,965	7,902
Nợ Vay/VCSH	180.5%	177.3%	157.2%	117.6%	74.7%	55.7%

Thông tin cổ phiếu

Giá mục tiêu	32,000
% tăng giá	20%
Vùng giá mua	24,000 - 26,000
Giá dừng lỗ	22,000

Phân tích kỹ thuật

MBB đang trong xu hướng tăng trung hạn theo xu hướng chung của nhóm cổ phiếu ngân hàng. Từ đầu năm đến nay MBB đã tăng giá trên 70% lên vùng đỉnh cao nhất 30 vì vậy giá MBB đang trong giai đoạn tích lũy. Vùng hỗ trợ MBB quanh 26-27 là đường MA50 trung hạn. Các vị thế tích lũy có thể mở ra khi giá về quanh vùng này. Mục tiêu trung và dài hạn của MBB là 30-35

Hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp

- Ngân hàng TMCP Quân đội MBB công bố kết quả kinh doanh hợp nhất năm 2025, ghi nhận tăng trưởng mạnh mẽ về quy mô, hiệu quả và chất lượng tài sản, khẳng định sức bật nội lực giữa thị trường biến động.
- Tổng tài sản đạt 1.615 triệu tỷ đồng, tăng 43% so với đầu năm, thuộc nhóm cao nhất hệ thống. Dự nợ tín dụng và đầu tư trái phiếu đạt 962 nghìn tỷ đồng, tăng 18,6%, với dự nợ cho vay khách hàng tăng 40%, SME tăng 18,5%, bán lẻ tăng 15,8%. Doanh thu (TOI) đạt 48.165 tỷ đồng, tăng 24%; thu thuần dịch vụ tăng 40% so với cùng kỳ.
- Song song với tăng trưởng tài chính, MB tiếp tục củng cố vị thế ngân hàng số tiên phong. Đến cuối năm 2025, ngân hàng phục vụ khoảng 35 triệu khách hàng, xử lý hơn 11 tỷ giao dịch, trong đó 98,8% thực hiện trên kênh số – một chỉ báo cho thấy hành vi khách hàng đã dịch chuyển căn bản sang môi trường số. Đáng chú ý, việc ứng dụng AI và Big Data trong phê duyệt tín dụng đã giúp MB cấp hạn mức gần 70 nghìn tỷ đồng, cho thấy chuyển đổi số không còn dừng ở chiến lược hay thông điệp truyền thông, mà đã trở thành năng lực vận hành cốt lõi, tạo ra giá trị thực chất về hiệu quả, kiểm soát rủi ro và tốc độ tăng trưởng.
- Năm 2025, MBB đạt lợi nhuận hơn hơn 27 ngàn tỷ đồng, tăng 19.3% so với cùng kỳ. MBB hiện vẫn là ngân hàng có tỷ lệ CASA ấn tượng hơn 36%, nợ xấu ở mức thấp 1.3% - giảm mạnh so với 1.6% 2024 và tỷ lệ bao phủ nợ xấu ở mức 93%.



MBB	2020	2021	2022	2023	2024	2025.9T
Tỷ lệ CASA	37.0%	44.6%	37.6%	38.1%	38.0%	35.9%
CAR (%)	10.4%	11.3%	11.5%	10.8%	11.8%	11.8%
Tăng trưởng tín dụng (%)	18.9%	20.7%	26.4%	33.7%	27.6%	32.8%
EPS (VND)	2,756	3,146	3,856	3,966	3,931	692
P/B	1.7	1.2	1.3	1.3	1.1	1.5
BVPS (VND)	17,117	15,768	16,751	17,786	21,135	15,822
ROE (%)	19.2%	23.6%	25.8%	24.5%	22.1%	20.2%
NIM (%)	4.7%	5.0%	5.7%	4.8%	4.1%	4.0%
LDR (%)	94.5%	92.2%	101.1%	105.6%	107.1%	116.5%
Tỷ lệ nợ xấu (%)	1.1%	0.9%	1.1%	1.6%	1.6%	1.9%
Dự phòng RR/ Nợ xấu (%)	134.1%	268.0%	238.0%	117.0%	92.2%	79.2%
Vốn CSH/ Tài sản	10.1%	10.3%	10.9%	10.2%	10.4%	10.0%

Thông tin cổ phiếu

Giá mục tiêu	110,000
% tăng giá	20%
Vùng giá mua	80,000 - 85,000
Giá dừng lỗ	75,000

Phân tích kỹ thuật

MWG đang duy trì xu hướng tăng trung hạn rõ ràng. Giá hiện tại 92,9 đã vượt lên trên toàn bộ các đường trung bình quan trọng: MA20 (86,9), MA50 (84,5) và MA100 (82,6). Cấu trúc "higher high – higher low" được giữ vững từ cuối tháng 11 đến nay cho thấy xu hướng tăng vẫn đang chiếm ưu thế. Việc giá bứt lên vùng cao mới đi kèm cây nến tăng mạnh cuối tuần củng cố tín hiệu tiếp diễn xu hướng.

Hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp

CTCP Đầu tư Thế Giới Di Động (HoSE: MWG) vừa công bố báo cáo tài chính hợp nhất quý IV/2025 cùng kế hoạch kinh doanh năm 2026, ghi nhận nhiều chỉ tiêu tăng trưởng mạnh và ở mức cao kỷ lục. Cụ thể, lợi nhuận sau thuế quý IV/2025 đạt 2.071 tỷ đồng, tăng hơn 2,4 lần so với cùng kỳ. Lũy kế cả năm 2025, MWG ghi nhận 7.036 tỷ đồng lợi nhuận ròng, tăng 89% so với năm trước, phản ánh sự phục hồi rõ nét của hoạt động bán lẻ.

Bước sang năm 2026, MWG đặt mục tiêu doanh thu tăng 18% và lợi nhuận sau thuế tăng 30%, cho thấy kỳ vọng cải thiện mạnh mẽ hiệu quả vận hành. Trong đó, Điện Máy Xanh tiếp tục là trụ cột chính, dự kiến đóng góp khoảng 65% doanh thu và 80% lợi nhuận toàn tập đoàn. Chuỗi này đặt mục tiêu tăng trưởng 15% doanh thu và 20% lợi nhuận, với chiến lược tập trung vào dịch vụ trọn vòng đời sản phẩm. Mạng dịch vụ Thợ Điện Máy Xanh được định hướng phát triển thành nền tảng đa dịch vụ, không chỉ phục vụ nội bộ mà còn mở rộng ra thị trường sửa chữa, bảo trì cho hộ gia đình.

Ở thị trường quốc tế, chuỗi EraBlue tại Indonesia dự kiến mở rộng lên 300 cửa hàng trong năm 2026, hướng tới tăng trưởng doanh thu 30% và từng bước chuẩn bị cho lộ trình IPO.

Trong khi đó, Bách Hóa Xanh được kỳ vọng đóng góp khoảng 30% doanh thu và 20% lợi nhuận, với mục tiêu tăng trưởng doanh thu trên 20%. Động lực chính đến từ tối ưu cửa hàng hiện hữu, mở mới khoảng 1.000 điểm bán và cải thiện biên lợi nhuận theo mô hình "siêu thị gần nhà – giá tiết kiệm".

Ngoài ra, các chuỗi An Khang và AvaKids được đặt mục tiêu tăng trưởng doanh thu 20–30% trong năm 2026, đồng thời duy trì trạng thái kinh doanh có lãi, góp phần hoàn thiện hệ sinh thái bán lẻ đa ngành của MWG.



MWG	2020	2021	2022	2023	2024	2025
Doanh thu (tỷ VND)	108,546	122,958	133,405	118,280	134,341	156,458
Lợi nhuận (tỷ VND)	3,918	4,899	4,100	168	3,722	7,037
Lợi Nhuận Gộp (tỷ VND)	23,954	27,632	30,862	22,521	27,499	30,294
Chi phí lãi vay (tỷ VND)	(594)	(674)	(1,362)	(1,448)	(1,137)	1,471
KLCP DLH (triệu CP)	453	713	1,464	1,463	1,462	1,470
VCSH (tỷ VND)	15,482	20,378	23,933	23,360	28,122	33,179
Tổng Tài Sản (tỷ VND)	46,031	62,971	55,834	60,111	70,438	83,959
Book Value	34,160	28,578	16,349	15,963	19,232	22,575
EPS	8,644	6,870	2,801	115	2,545	4,788
ROE	25.3%	24.0%	17.1%	0.7%	13.2%	21.2%
Vay Ngắn Hạn (tỷ VND)	15,625	24,647	10,688	19,129	27,300	29,931
Vay Dài Hạn (tỷ VND)	1,127	-	5,901	5,985	-	-
Tổng Nợ vay (tỷ VND)	16,752	24,647	16,589	25,114	27,300	29,931
Nợ Vay/VCSH	108.2%	120.9%	69.3%	107.5%	97.1%	90.2%

Thông tin cổ phiếu

Giá mục tiêu	120,000
% tăng giá	23.5%
Vùng giá mua	90,000 - 95,000
Giá dừng lỗ	85,000

Phân tích kỹ thuật

FPT đang tích lũy đi ngang sau giai đoạn tăng tốc năm 2024. Nền giá thấp nhất của FPT hiện tại quanh 85 trong khi mức giá hiện tại không cách quá xa mốc này.

FPT là cổ phiếu tăng trưởng dài hạn và có lợi nhuận tăng trưởng ổn định nhất so với nhiều doanh nghiệp khác. Giá FPT kỳ vọng tích lũy quanh vùng 95 và có thể tăng tốc vượt lên MA200 trong năm nay lên trên 100.

Hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp

- CTCP Tập đoàn FPT (FPT) khép lại năm 2025 với bức tranh tăng trưởng vững chắc cả về quy mô lẫn chất lượng hoạt động. Doanh thu hợp nhất đạt 70.113 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế 13.039 tỷ đồng, lần lượt tăng 11,6% và 17,8% so với năm trước, phản ánh hiệu quả vận hành cải thiện rõ rệt trong bối cảnh kinh tế toàn cầu còn nhiều biến động. Đáng chú ý, FPT trúng thầu 26 dự án quy mô trên 10 triệu USD, trong khi doanh số ký mới mảng Dịch vụ CNTT nước ngoài vượt 1,5 tỷ USD, cho thấy năng lực cạnh tranh quốc tế và đà mở rộng thị trường toàn cầu ngày càng rõ nét.
- Khối Công nghệ tiếp tục giữ vai trò động lực tăng trưởng chủ lực, đóng góp 63% doanh thu và 45% lợi nhuận trước thuế của Tập đoàn, tương ứng 44.475 tỷ đồng doanh thu và 5.883 tỷ đồng lợi nhuận, tăng lần lượt 13,7% và 12,5%. Trong đó, Dịch vụ CNTT nước ngoài là điểm sáng nổi bật với doanh thu ký mới 40.636 tỷ đồng (hơn 1,5 tỷ USD), tăng 23%, còn doanh thu chuyển đổi số từ thị trường quốc tế đạt 16.751 tỷ đồng, tăng 16,8%, tập trung vào các trụ cột công nghệ như Cloud, AI và Data Analytics. Ở thị trường trong nước, Dịch vụ CNTT tăng trưởng doanh thu, nhưng biên lợi nhuận chịu áp lực do chi phí và cạnh tranh, phản ánh đặc trưng của giai đoạn đầu tư chiều sâu.
- Năm 2025 cũng đánh dấu bước chuyển chiến lược quan trọng của FPT trong lộ trình AI-First: đưa vào vận hành hai AI Factory tại Việt Nam và Nhật Bản, ký các hợp đồng chuyển đổi số quy mô lớn hàng trăm triệu USD, và mở rộng hiện diện toàn cầu thông qua M&A và hợp tác chiến lược. Tổng thể, FPT không chỉ tăng trưởng về số liệu tài chính, mà đang dịch chuyển sang mô hình tập đoàn công nghệ toàn cầu, nơi năng lực công nghệ lõi, dữ liệu và AI trở thành trụ cột cạnh tranh dài hạn.



FPT	2020	2021	2022	2023	2024	2025
Doanh thu (tỷ VND)	29,830	35,657	44,010	52,618	62,849	70,113
Lợi nhuận (tỷ VND)	3,538	4,337	5,310	6,465	7,857	9,369
Lợi Nhuận Gộp (tỷ VND)	11,814	13,632	17,167	20,320	23,698	25,895
Chi phí lãi vay (tỷ VND)	(385)	(484)	(646)	(833)	(552)	810
KLCP DLH (triệu CP)	784	908	1,097	1,270	1,471	1,704
VCSH (tỷ VND)	18,606	21,415	25,356	29,933	35,728	43,751
Tổng Tài Sản (tỷ VND)	41,734	53,698	51,650	60,283	72,000	88,090
Book Value	23,732	23,597	23,114	23,570	24,287	25,683
EPS	4,513	4,779	4,840	5,091	5,341	5,500
ROE	19.0%	20.3%	20.9%	21.6%	22.0%	21.4%
Vay Ngắn Hạn (tỷ VND)	12,062	17,799	10,904	13,838	14,446	19,170
Vay Dài Hạn (tỷ VND)	678	2,296	1,478	208	501	1,904

LỊCH SỰ KIỆN



Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6
 <p>Fed Waller phát biểu về chính sách tiền tệ. Các tín hiệu hawkish có thể đẩy USD tăng, làm giảm giá vàng và chứng khoán toàn cầu, trong khi dovish thúc đẩy rủi ro.</p>	 <p>Chỉ số niềm tin tiêu dùng CB tháng 2, dự báo 86. Chỉ số cao thúc đẩy chi tiêu, hỗ trợ USD và chứng khoán Mỹ, trong khi thấp làm tăng lo ngại suy thoái, giảm lợi suất trái phiếu.</p>	 <p>Báo cáo tồn kho dầu thô EIA tuần 20/2. Giảm tồn kho đẩy giá dầu lên, hỗ trợ cổ phiếu năng lượng và CAD, trong khi tăng làm giảm giá, ảnh hưởng tiêu cực đến lạm phát toàn cầu.</p>	 <p>Nhật Bản: Chỉ số CPI tháng 1. Tăng lạm phát có thể thúc BoJ thắt chặt, đẩy JPY mạnh lên, giảm xuất khẩu và chứng khoán Nikkei.</p>	 <p>Dữ liệu PPI là thước đo lạm phát đầu vào, ảnh hưởng kỳ vọng Fed và lãi suất. Ảnh hưởng: PPI nóng gây áp lực lên trái phiếu & cổ phiếu định giá cao; PPI thấp củng cố xu hướng nới lỏng.</p>
 <p>PBoC công bố lãi suất cho vay cơ bản, dự kiến giữ nguyên 3% (1 năm) và 3.5% (5 năm). Giữ nguyên hỗ trợ ổn định CNY, nhưng cắt giảm có thể kích thích kinh tế Á châu, tăng giá hàng hóa.</p>	 <p>ECB Lagarde phát biểu. Tín hiệu thắt chặt có thể tăng EUR, giảm cổ phiếu, trong khi nới lỏng hỗ trợ tăng trưởng, ảnh hưởng đến thị trường tài chính toàn cầu.</p>	 <p>Đấu giá trái phiếu 5 năm. Lợi suất cao phản ánh lo ngại lạm phát, tăng USD và giảm chứng khoán, ảnh hưởng đến chi phí vay toàn cầu..</p>	 <p>BoK quyết định lãi suất. Giữ nguyên hoặc tăng hỗ trợ KRW, ổn định thị trường Á châu, trong khi cắt giảm kích thích tăng trưởng, tăng giá hàng hóa.</p>	 <p>Thị trường ổn định sau kỳ nghỉ Tết, không có dữ liệu lớn. Sự trở lại có thể tăng thanh khoản Á châu, hỗ trợ hàng hóa và cổ phiếu khu vực.</p>

STT	Mã CK	Sàn	Ngày GDKHQ	Ngày ĐKCC	Ngày thực hiện	Nội dung sự kiện	Loại Sự kiện
1	DP3	HNX	20/03/2026	23/03/2026	29/06/2026	Trả cổ tức năm 2025 bằng tiền, 4,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
2	SDC	HNX	19/03/2026	20/03/2026	20/04/2026	Trả cổ tức năm 2024 bằng tiền, 500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
3	COM	HOSE	16/03/2026	17/03/2026	2/4/2026	Trả cổ tức năm 2025 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
4	DNC	HNX	9/3/2026	10/3/2026	1/4/2026	Trả cổ tức đợt 2/2025 bằng tiền, 1,500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
5	STC	HNX	3/3/2026	4/3/2026	27/03/2026	Trả cổ tức năm 2025 bằng tiền, 1,400 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
6	TDF	UPCoM	27/02/2026	2/3/2026		Thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm, tỷ lệ 4:1, giá 10,000 đồng/CP	Phát hành thêm
7	TMG	UPCoM	26/02/2026	27/02/2026	11/3/2026	Trả cổ tức năm 2025 bằng tiền, 1,500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
8	SHP	HOSE	26/02/2026	27/02/2026	12/3/2026	Trả cổ tức năm 2025 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
9	PJC	HNX	26/02/2026	27/02/2026	10/4/2026	Trả cổ tức năm 2025 bằng tiền, 1,500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
10	REE	HOSE	26/02/2026	27/02/2026	3/4/2026	Trả cổ tức năm 2025 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
11	LSS	HOSE	25/02/2026	26/02/2026	19/06/2026	Trả cổ tức năm 2024 bằng tiền, 500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
12	LSS	HOSE	25/02/2026	26/02/2026		Trả cổ tức năm 2024 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:5	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
13	HPD	UPCoM	24/02/2026	25/02/2026	5/3/2026	Trả cổ tức đợt 2/2024 bằng tiền, 500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
14	VSH	HOSE	13/02/2026	23/02/2026	10/4/2026	Trả cổ tức đợt 3/2025 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
15	EBS	HNX	13/02/2026	23/02/2026	28/04/2026	Trả cổ tức năm 2025 bằng tiền, 800 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
16	BCM	HOSE	12/2/2026	13/02/2026	13/03/2026	Trả cổ tức năm 2024 bằng tiền, 1,100 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
17	USD	UPCoM	11/2/2026	12/2/2026	27/02/2026	Trả cổ tức năm 2025 bằng tiền, 1,520 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
18	DAE	HNX	11/2/2026	12/2/2026	3/3/2026	Trả cổ tức năm 2025 bằng tiền, 1,200 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
19	DHN	UPCoM	11/2/2026	12/2/2026	6/3/2026	Trả cổ tức năm 2025 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
20	FCM	HOSE	9/2/2026	10/2/2026	12/3/2026	Trả cổ tức năm 2025 bằng tiền, 150 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt

Các thông tin, số liệu thống kê và khuyến nghị trong bản báo cáo này, bao gồm cả các nhận định cá nhân, được dựa trên các nguồn thông tin công bố đại chúng theo quy định của pháp luật, hoặc các nguồn thông tin mà chúng tôi cho rằng đáng tin cậy tính đến thời điểm phát hành báo cáo. Phòng Phân Tích Ngành và cổ phiếu chỉ sử dụng mà không thực hiện xác minh lại các thông tin này, do đó Phòng Phân Tích Ngành và cổ phiếu không đảm bảo về tính chính xác và đầy đủ của các thông tin này.

Các nhận định, khuyến nghị, so sánh trong bản báo cáo này được đưa ra dựa trên cơ sở phân tích chi tiết và cẩn trọng, theo đánh giá chủ quan của người lập là hợp lý tại thời điểm thực hiện báo cáo. Do đó các phân tích này có thể thay đổi trong tương lai theo tình hình biến động thực tế mà chúng tôi không có trách nhiệm tự động cập nhật liên tục, trừ trường hợp được yêu cầu chính thức từ Ban lãnh đạo Công ty hoặc ràng buộc trong các điều khoản điều kiện của hợp đồng kinh tế đã được công ty ký kết với các đối tác liên quan.

Báo cáo phân tích, định giá này nhằm mục đích tham khảo. Báo cáo phân tích này và các tài liệu đi kèm được lập bởi Phòng Phân Tích Ngành và cổ phiếu – CTCP Chứng Khoán OCBS, tất cả các quyền sở hữu trí tuệ liên quan đến báo cáo này đều thuộc sở hữu của CTCP Chứng khoán OCBS. Công ty nghiêm cấm mọi việc sử dụng, in ấn, sao chép, tái xuất bản toàn bộ hoặc từng phần bản Báo cáo này vì bất cứ mục đích gì mà không có sự chấp thuận của Công ty.

THÔNG TIN LIÊN HỆ

Công ty Cổ phần Chứng khoán OCBS

Tầng 26, Tòa nhà The Hallmark, Số 15 đường Trần Bạch Đằng, Phường An Khánh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: (024) 7770 1212

Website: <https://ocbs.com.vn/>

Phòng phân tích

Email: research@ocbs.com.vn



THANK YOU